

TÀI LIỆU SINH HOẠT CHI ĐOÀN

Tháng 8/2023

TINH THẦN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH 2-9 BẤT DIỆT!

Những ngày đáng nhớ trong tháng 8:

- 1/8/1930: Ngày truyền thống ngành Tuyên giáo của Đảng
- 8/8/1921: Ngày sinh đồng chí Lê Quang Đạo
- 10/8/2004: Ngày vì nạn nhân chất độc màu da cam
- 19/8/1945: Ngày Cách mạng tháng Tám thành công
- 19/8/1945: Ngày truyền thống Công an nhân dân Việt Nam
- 20/8/1888: Ngày sinh Chủ tịch Tôn Đức Thắng
- 25/8/1911: Ngày sinh Đại tướng Võ Nguyên Giáp
- 8/1921: Ngày sinh đồng chí Võ Văn Tần

KỶ NIỆM 93 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG NGÀNH TUYÊN GIÁO CỦA ĐẢNG (01/8/1930-01/8/2023)

Kỷ niệm 93 năm ngày truyền thống ngành Tuyên giáo (1/8/1930-1/8/2023): Xứng đáng vai trò tiên phong trên mặt trận tư tưởng, văn hóa của Đảng

Cách đây 93 năm, ngày 01/8/1930, Ban cổ động và tuyên truyền của Đảng Cộng sản Việt Nam đã cho xuất bản tài liệu “Ngày Quốc tế đỏ 01/8”. Tài liệu này khi vừa phát hành đã tạo được tiếng vang lớn, có sức cổ vũ mạnh mẽ quần chúng cách mạng nước ta đứng lên đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chống áp bức bóc lột, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc. Với ý nghĩa đặc biệt đó, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định lấy ngày 1/8 hằng năm là Ngày truyền thống công tác Tuyên giáo của Đảng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ thiên tài của Đảng và dân tộc Việt Nam cũng chính là người đã khởi xướng, rèn luyện và để lại nhiều bài học quý báu cho đội ngũ những người làm công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng của Đảng đã từng nói: “Tuyên truyền là đem một việc gì nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm. Phải dạy lý luận, công tác, chuyên môn cho cán bộ, đảng viên. Nếu không đạt được mục đích đó, là tuyên truyền thất bại. Chúng ta phải đánh thắng địch về mặt tuyên truyền cũng như bộ đội ta đã đánh thắng địch về mặt quân sự”. Học tập và làm theo lời dạy của Bác, những năm qua, trên suốt chặng đường cách mạng, trong kháng chiến và kiến quốc, Đảng ta luôn khẳng định công tác Tuyên giáo có vai trò đặc biệt, là một lĩnh vực trọng yếu trong công tác lãnh đạo, tuyên truyền, giáo dục, động viên nhân dân và tổ chức Nhân dân thực hiện nhiệm vụ cách mạng ở mọi thời kỳ, mọi chặng đường đất nước.



Vai trò “đi trước mở đường, đi cùng thực hiện, đi sau tổng kết”

Cùng với sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, một số Ban của Đảng trong đó có Ban Tuyên giáo đã được thành lập với vai trò tham mưu cho Trung ương và cấp ủy trên các mặt công tác của Đảng. Ngày 1/8/1930, nhân dịp kỷ niệm Ngày quốc tế đấu tranh chống chiến tranh đế quốc, bảo vệ hòa bình, Ban Cổ động và Tuyên truyền của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xuất bản tài liệu mang tên “Ngày quốc tế đỏ 1/8” tạo được tiếng vang lớn, cổ vũ mạnh mẽ quần chúng cách mạng nước ta đứng lên đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chống áp

bức, bóc lột, phản đối chiến tranh xâm lược, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc. Từ sự kiện lịch sử có ý nghĩa đặc biệt này, năm 2000, Bộ Chính trị (khóa VIII) quyết định lấy ngày 1/8 hằng năm làm Ngày truyền thống công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng. Năm 2007, sau khi hợp nhất Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Ban Khoa giáo Trung ương thành Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa X) quyết định lấy ngày 1/8 hằng năm làm Ngày truyền thống ngành Tuyên giáo của Đảng.

Trải qua 93 năm qua, dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, công tác tuyên giáo đã có những cống hiến xuất sắc và trưởng thành vượt bậc qua các thời kỳ lịch sử cách mạng, đóng góp to lớn vào công cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất và xây dựng đất nước, là niềm tự hào của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và nhất là thế hệ những cán bộ đã và đang công tác trong ngành Tuyên giáo. Ngành Tuyên giáo đã thể hiện rõ vai trò “đi trước mở đường, đi cùng thực hiện, đi sau tổng kết”, tiếp tục đảm nhận vai trò tiên phong trên mặt trận tư tưởng, văn hóa của Đảng, góp phần bảo vệ vững chắc, bổ sung, vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong Đảng và xã hội, củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, khơi dậy ý chí, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Giai đoạn 1930 – 1945:

Điểm nổi bật của công tác Tuyên giáo thời kỳ này là thắng lợi của công tác giác ngộ, giáo dục, động viên, tập hợp lực lượng rèn luyện và tổ chức các phong trào quần chúng, biến lý tưởng và tư tưởng cách mạng thành sức mạnh. Trong hoàn cảnh bị kẻ địch đàn áp tàn khốc, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Bác Hồ, Trung ương Đảng, đội ngũ những chiến sĩ làm công tác Tuyên giáo đã nêu cao phẩm chất và khí tiết người cộng sản, sẵn sàng hy sinh tính mạng, không sợ tù đầy tra tấn, bám sát phong trào cách mạng để tuyên truyền, vận động, tổ chức quần chúng đấu tranh chống thực dân, đế quốc; góp phần quan trọng thúc đẩy cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh; cao trào đấu tranh công khai đòi quyền dân sinh, dân chủ; cao trào chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, ủng hộ Liên Xô... Thông qua báo chí, tài liệu bí mật, các lớp huấn luyện và hàng ngàn cuộc mít tinh, biểu tình... đội ngũ cán bộ tuyên giáo tuyên truyền, cổ vũ các cao trào cách mạng, tiến tới tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

Giai đoạn 1945 – 1954:

Cách mạng mới thành công, chính quyền còn non trẻ giữa vòng vây thù trong, giặc ngoài, nạn đói diễn ra gay gắt, ngân sách cạn kiệt, Đảng phải tạm thời rút vào hoạt động bí mật... Trong hoàn cảnh vận nước ngàn cân treo sợi tóc,

đội quân làm công tác Tuyên giáo tập hợp dưới lá cờ của Đảng, đứng đầu là nhà tư tưởng kiệt xuất Hồ Chí Minh, đã hăng hái tuyên truyền vận động Nhân dân, bảo vệ chính quyền mới và tích cực chuẩn bị kháng chiến cứu nước. Hoạt động công tác Tuyên giáo đóng vai trò trọng yếu, góp phần trực tiếp nuôi dưỡng, xây dựng, phát triển sức mạnh của nhân tố con người Việt Nam; tập hợp lực lượng, khơi dậy ý chí, tri thức và sức mạnh trong quần chúng, đáp ứng những đòi hỏi gay gắt của cuộc kháng chiến. Sức mạnh tổng hợp to lớn đã được minh chứng bằng thắng lợi lịch sử Điện Biên Phủ, giải phóng miền Bắc, buộc Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ về Việt Nam (năm 1954).



Giai đoạn 1955 - 1975:

Công tác Tuyên giáo tập trung phục vụ hai nhiệm vụ chiến lược là tiến hành cách mạng XHCN ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ trong cả nước. Ở giai đoạn này, công tác Tuyên giáo đóng vai trò trọng yếu trong việc khơi dậy ý chí, tri thức và sức mạnh trong quần chúng, tập hợp lực lượng, phát động và nhân rộng phong trào thi đua yêu nước ở cả hai miền, với quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Đó là những phong trào với những khẩu hiệu rung động lòng người.

Ở miền Bắc có các phong trào thi đua: “Sóng Duyên Hải, gió Đại Phong, cờ Ba nhất”, “Ba sẵn sàng”, “Ba đảm đang”; “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, “Tất cả vì tiền tuyến, tất cả vì miền Nam ruột thịt”, “Hai tốt”, “Chiếc gậy Trường Sơn”, “Nhằm thẳng quân thù mà bắn”, “Xe chưa qua, nhà không tiếc”.

Ở miền Nam có các phong trào: “Thi đua áp Bắc giết giặc lập công”, “Năm thắt lưng địch mà bán”, “Một tác không đi, một li không rời”, “Năm xung phong”, “Dũng sĩ diệt Mỹ - Ngụy”, “Xuống đường đòi tự do, dân chủ”, “Hát cho đồng bào tôi nghe”... Sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng Việt Nam đã được chuyển hóa bằng thắng lợi của cuộc Tổng tiến công nổi dậy mùa Xuân năm 1975, mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên CNXH.

Giai đoạn từ 1975 đến nay:

Từ sau năm 1975, đất nước phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, thử thách, có những thời khắc tưởng chừng không thể vượt qua nổi. Nhưng với bản lĩnh chính trị vững vàng, bản chất cách mạng và khoa học, Đảng đã lãnh đạo đất nước vượt lên giành thắng lợi. Công tác Tuyên giáo của Đảng tập trung phục vụ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Điểm nổi bật của công tác Tuyên giáo trong thời kỳ này là tích cực tuyên truyền chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước; đổi mới tư duy, tổng kết thực tiễn; làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta; cổ vũ, động viên phong trào thi đua trên mọi lĩnh vực; khơi dậy và nhân lên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, sức sáng tạo xã hội, góp phần tạo nên những thành tựu to lớn của đất nước.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác Tuyên giáo trong những năm qua không ngừng đổi mới, từng bước vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, cổ vũ các phong trào thi đua yêu nước, hành động cách mạng góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Trong thời kỳ đổi mới hiện nay, với vai trò tiên phong trên mặt trận tư tưởng, văn hóa của Đảng, ngành Tuyên giáo tiếp tục đóng góp tích cực vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

<http://baoquankhu4.com.vn/>

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ TUYÊN GIÁO

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà chính trị uyên bác, một nhà tuyên truyền lỗi lạc của cách mạng Việt Nam. Người đã trực tiếp truyền bá lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam.

Đồng thời, sử dụng công tác tuyên truyền như một “vũ khí sắc bén” để phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân lao động.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú trọng đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, bởi theo Người, “Tư tưởng không đúng đắn thì công tác ắt sai lầm” (1). Khi nói về hoạt động lãnh đạo của Đảng, Người nói: “Lãnh đạo quan trọng nhất là lãnh đạo tư tưởng, phải hiểu tư tưởng của mỗi cán bộ để giúp đỡ thiết thực trong công tác; vì tư tưởng thông suốt thì làm tốt, tư tưởng nhầm lẫn thì không làm được việc” (2). Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn xem công tác tuyên huấn - tuyên giáo là một bộ phận cấu thành hết sức quan trọng, là một lĩnh vực trọng yếu của Đảng. Đồng thời, Bác cũng luôn coi trọng việc xây dựng đội ngũ cán bộ tuyên giáo với vai trò là lực lượng xung kích trên mặt trận tư tưởng; trực tiếp củng cố, tăng cường sự đoàn kết, nhất trí của quần chúng nhân dân. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ cán bộ tuyên giáo đến nay vẫn còn nguyên những giá trị to lớn.

Trước hết, cán bộ tuyên giáo phải là người có bản lĩnh chính trị kiên định vững vàng, đạo đức lối sống trong sạch, lành mạnh.

Trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đạo đức là cái gốc, là cơ sở nền tảng của người cách mạng. Khi nhấn mạnh vai trò quan trọng này, Người nói: “Nhiệm vụ công tác tuyên huấn có thể chia ra hai mặt: Một mặt là làm sao mưu lợi ích cho đồng bào. Một mặt nữa là làm sao tránh được tệ hại cho đồng bào” (3). Để hoàn thành được nhiệm vụ đó, theo Bác, tính Đảng là nguyên tắc, là nền tảng của công tác tuyên giáo, nó đảm bảo cho các hoạt động tuyên giáo của Đảng giữ vững lập trường của giai cấp công nhân, phục vụ nhân dân; đảm bảo tính khoa học và phải luôn xuất phát từ thực tế khách quan, từ quy luật phát triển của xã hội, lấy đó làm cơ sở giải thích cho nhân dân để từ đó họ hiểu, họ tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng và hành động tự giác, có hiệu quả.

Thứ hai, cán bộ tuyên giáo phải làm tốt công tác nêu gương, có lòng say mê, tâm huyết với nghề nghiệp, luôn trau dồi kỹ năng nói, viết.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, nêu gương trước hết là phải làm gương. Bởi, muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải mực thước cho người ta bắt chước, noi theo. Người nhắc nhở: “Lấy gương người tốt, việc tốt có thật trong nhân dân và cán bộ, đảng viên ta mà giáo dục lẫn nhau, đó chính là một cách tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin thiết thực nhất” (4). Trong thời đại khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ như hiện nay, các luồng thông tin được truyền đi trên nhiều kênh, đa chiều, với tốc độ nhanh chóng, nhiều xu hướng chính trị, ý thức hệ trái chiều, tạo điều kiện để các thế lực thù địch lợi dụng xuyên tạc, kích động, tiềm ẩn nguy cơ gây bất ổn đời sống chính trị. Chính vì vậy, đội ngũ cán bộ tuyên giáo phải am hiểu cả về lý luận và thực tiễn để vận dụng vào công tác của mình một cách có hiệu quả.

Chủ tịch Hồ Chí Minh có phong cách diễn đạt nói, viết rất phong phú, đa dạng, dễ hiểu, dễ nhớ. Từ đó, Người yêu cầu cán bộ tuyên giáo phải nói và viết sao cho phổ thông, dễ hiểu, ngắn gọn, dễ đọc, làm cho người nghe, người đọc hiểu được, nhớ được và làm được. Cán bộ tuyên giáo cần xác định rõ ràng nội dung, đối tượng, mục đích và phương pháp: “Mỗi tư tưởng, mỗi câu nói, mỗi chữ viết phải rõ cái tư tưởng và lòng ước ao của quần chúng” (5). Qua đó, đội ngũ cán bộ tuyên giáo cần phải tăng cường tiếp xúc, cầu thị lắng nghe, tích cực học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, trau dồi kỹ năng nói, viết, nâng cao hơn hiệu quả công tác tư tưởng của cấp ủy, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.



Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện với học sinh Trường Nghệ thuật sân khấu Trung ương ở Khu văn công Mai Dịch, Hà Nội. (Ảnh tư liệu)

Thứ ba, cán bộ tuyên giáo luôn hướng về cơ sở, bám sát thực tiễn và gắn bó mật thiết với nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về phong cách gần dân, sâu sát cơ sở. Trong đời sống hằng ngày, Người thường tranh thủ đi thăm, chuyện trò thân tình với các cụ già, gặp gỡ các chiến sĩ và đồng bào địa phương để nắm tình hình, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Điều đó đã trở thành một nhu cầu, một nếp sống gần gũi quần chúng nhân dân, giúp lắng nghe nguyện vọng, tình cảm của dân.

Học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người cán bộ tuyên giáo phải luôn hướng về cơ sở, sâu sát cơ sở, luôn gắn bó mật thiết

với quần chúng nhân dân. Qua đó, giúp cán bộ tuyên giáo nắm bắt được tình hình, diễn biến tư tưởng, tình huống tư tưởng nảy sinh trong thực tiễn. Từ đó, chủ động dự báo, kịp thời tham mưu các giải pháp đúng đắn. Việc gắn bó mật thiết với nhân dân sẽ giúp người cán bộ tuyên giáo đúc rút được nhiều kinh nghiệm hay; đồng thời, bám sát thực tiễn cũng là điều kiện để phát hiện, đánh giá hiệu quả các nghị quyết của Đảng đã đi vào cuộc sống như thế nào, có gì cần tham mưu, đề xuất khắc phục, sửa chữa những chỗ chưa hợp lý. Có như vậy, hoạt động của cán bộ tuyên giáo mới sôi động, giàu sức sống và có tính thuyết phục đối với quần chúng nhân dân.

Thứ tư, cán bộ tuyên giáo cần có phương pháp, tác phong làm việc khoa học, dứt khoát.

Công tác tuyên giáo là một lĩnh vực có ý nghĩa quan trọng. Thông qua công tác tuyên giáo sẽ giúp tuyên truyền chủ trương, đường lối, đưa Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đi vào cuộc sống; phát hiện và biểu dương những nhân tố mới, cổ vũ các phong trào thi đua yêu nước; góp phần phát hiện và đề xuất cách giải quyết những vấn đề phát sinh trong cuộc sống; bảo vệ an ninh quốc gia, tích cực đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng và các tệ nạn xã hội...

Theo đó, cần tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ tuyên giáo có phương pháp, tác phong làm việc khoa học, dứt khoát. Đồng thời, phải luôn lấy tư tưởng Hồ Chí Minh làm cơ sở để tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân; luôn phản ánh đúng đắn hiện thực khách quan, nhìn thẳng vào sự thật, bằng quan điểm của Đảng; không “tô hồng”, không “bôi đen” sự vật, hiện tượng; nâng cao nhận thức cách mạng và định hướng hành động của quần chúng nhân dân...

Khi đề cập, lý giải hoặc phân tích các sự kiện và hiện tượng luôn đặt trong mối quan hệ biện chứng giữa những điều kiện, không gian, thời gian nhất định, vạch rõ quá trình phát triển, biến đổi, chỉ rõ bản chất và cách giải quyết phù hợp để mang lại hiệu quả cao; tiến hành các hoạt động tư tưởng bảo đảm khoa học, bài bản, chặt chẽ. Đặc biệt, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ tuyên giáo thực sự có đức, có tài, “dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung, có uy tín cao và thực sự tiên phong, gương mẫu, là hạt nhân đoàn kết” (6).

Kỷ niệm 93 năm Ngày truyền thống ngành Tuyên giáo của Đảng (01/8/1930 - 01/8/2023) là dịp để chúng ta khơi dậy niềm tự hào đối với công tác tuyên giáo của Đảng. Đồng thời, quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ tuyên giáo của Đảng. Qua đó, cổ vũ, động viên toàn Ngành nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức, không ngừng rèn luyện, phấn đấu, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, xây dựng đất nước ngày càng phát triển phồn vinh, hạnh phúc./.

Tài liệu tham khảo:

- (1) Hồ Chí Minh toàn tập, tập 7, Nxb CTQG, Hà Nội. 2011, tr.114
- (2) Hồ Chí Minh toàn tập, tập 9, Nxb CTQG, Hà Nội. 2011, tr.309
- (3) Hồ Chí Minh toàn tập, tập 14, Nxb CTQG, Hà Nội. 2011, tr.161
- (4) Hồ Chí Minh toàn tập, tập 15, Nxb CTQG, Hà Nội. 2011, tr.669
- (5) Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5, Nxb CTQG, Hà Nội. 2011, tr.345.
- (6) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQG-ST, Tập I, H. 2021, tr.187.

Theo <https://dangcongsan.vn/>

KỶ NIỆM 102 NĂM NGÀY SINH ĐỒNG CHÍ LÊ QUANG ĐẠO 8/8/1921 - 8/8/2023

Đồng chí Lê Quang Đạo: Tấm gương thực hành dân chủ và lấy dân làm gốc

Đồng chí Lê Quang Đạo nguyên là Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung tướng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam. Hơn 60 năm hoạt động cách mạng không ngừng nghỉ (1937-1999), đồng chí đã có nhiều cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc, góp phần không ngừng đưa cách mạng Việt Nam giành được những thắng lợi vẻ vang cả trong thời chiến và thời bình, trong công cuộc đấu tranh, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam ngày càng vững mạnh.



Đồng chí Lê Quang Đạo (giữa) tại Mặt trận Quảng Trị (năm 1972).

Ảnh: Tư liệu (K.T)

Đánh giá về công lao của đồng chí Lê Quang Đạo, trong *Điều trần của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại lễ truy điệu đồng chí Lê Quang Đạo*, ngày 27/7/1999, tại Hà Nội, Đảng ta khẳng định: "Đồng chí Lê Quang Đạo, nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Đồng chí đã đi trọn cuộc đời một cách vẻ vang và để lại cho chúng ta tấm gương về cuộc đời cao đẹp của người cộng sản mẫu mực, một nhà yêu nước chân chính, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh"⁽¹⁾. Tấm gương cuộc đời cao đẹp của đồng chí Lê Quang Đạo, tấm gương người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện trên nhiều lĩnh vực trong đó có vấn đề thực hành dân chủ, lấy dân làm gốc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

THỰC HIỆN QUAN ĐIỂM “LẤY DÂN LÀM GỐC”

Tiếp thu truyền thống yêu nước của quê hương, gia đình, Lê Quang Đạo sớm tham gia hoạt động cách mạng, năm 1938 khi mới 17 tuổi. Lê Quang Đạo đã lựa chọn và đi theo con đường cách mạng vô sản, con đường cách mạng mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã tìm ra và định hướng cho dân tộc Việt Nam.

Được sự dìu dắt của các thế hệ đàn anh, Lê Quang Đạo đã trở thành một cán bộ trẻ tài năng của Đảng, được Đảng tin cậy giao nhiều trọng trách như: Bí thư Đảng bộ nhiều địa bàn trọng yếu (Bắc Ninh, Phúc Yên, Hải Phòng, Hà Nội). Trên cương vị người đứng đầu tổ chức Đảng nhiều địa phương, dù bận rộn nhưng với phong cách dân chủ, gần dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến nhân dân, đồng chí Lê Quang Đạo luôn đi sâu, đi sát cơ sở, nắm tình hình để từ đó đề ra đường lối đúng, phù hợp yêu cầu thực tiễn. Giai đoạn từ 10/1943-10/1944, trong thời kỳ xây dựng lực lượng chuẩn bị Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội, Bí thư Thành ủy Hà Nội - Lê Quang Đạo luôn đi sát thực tiễn, lăn lộn hoạt động trong giới trí thức, học sinh, sinh viên, tuyên truyền xây dựng các tổ chức quần chúng cách mạng, phát triển các đoàn thể Việt Minh, huy động mọi tầng lớp nhân dân tham gia cứu nước, tạo điều kiện, tiền đề quan trọng đem lại thành công của Cách mạng Tháng Tám ở Hà Nội năm 1945.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đồng chí Lê Quang Đạo đảm trách nhiều cương vị khác nhau gồm công tác Đảng dân sự và công tác Đảng trong quân đội. Đồng chí luôn thực hiện triệt để quan điểm Hồ Chí Minh về lấy dân làm gốc. Giai đoạn từ cuối 1947 đến 1948, trên cương vị Bí thư Liên tỉnh Hà Nội - Hà Đông, kiêm phụ trách công tác tuyên huấn của Liên Khu III - địa bàn bình định, càn quét trọng điểm của quân đội viễn chinh Pháp, Lê Quang Đạo đã thực hiện tốt phương châm “bám dân, đánh giặc”, đồng chí đã đưa cán bộ về cơ sở, tiến hành củng cố các chi bộ Đảng, các tổ chức quần chúng, tổ chức lực lượng du kích, đào hầm bí mật, chiến đấu ngay trong lòng địch, do vậy đã gây cho địch nhiều khó khăn, tổn thất. Thời kỳ 28 năm phục vụ trong quân ngũ (1950-1978), cùng với việc xây dựng Quân đội nhân dân Việt

Nam vững vàng, kiên định về tư tưởng, chính trị, trung thành tuyệt đối với lý tưởng của Đảng, quan điểm gần dân, gắn bó mật thiết với nhân dân luôn được Lê Quang Đạo quán triệt thực hiện.

Trong bài viết *Nâng cao quyết tâm kiên trì và đẩy mạnh cuộc chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng*, (tháng 6-1970), đồng chí khẳng định: “Quân đội ta là quân đội nhân dân,... Quân đội ta sinh ra và lớn lên từ cao trào đấu tranh cách mạng sôi sục của quần chúng, lấy mục tiêu cách mạng của Đảng làm mục tiêu của mình. Quân đội ta là quân đội của nhân dân, của các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam, là của nhân dân lao động, thực chất là của công nông, do Đảng của giai cấp công nhân tổ chức, lãnh đạo mang bản chất giai cấp công nhân”⁽²⁾.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước giành thắng lợi, đất nước thống nhất, Bắc-Nam xum họp một nhà, trên cương vị Bí thư Trung ương Đảng, trực tiếp làm Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương và công tác dân vận vào giữa thập niên 80, thế kỷ XX, đồng chí Lê Quang Đạo đã có những đóng góp quan trọng trong công tác khoa giáo, đồng thời thúc đẩy quan điểm dân chủ phát triển trong lĩnh vực công tác đặc biệt này. Trong lĩnh vực khoa học, vấn đề dân chủ được đồng chí Lê Quang Đạo đặc biệt quan tâm. Theo đồng chí, khoa học là sự sáng tạo, do đó phải tạo môi trường tự do dân chủ, rộng mở để những trí thức, nhà khoa học phát huy tính độc lập, tìm tòi, sự sáng tạo, phát minh khoa học của mình, phải nghiêm khắc với những biểu hiện định kiến, hẹp hòi với trí thức. Mặt khác, cần tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của những nhà trí thức, nhà khoa học đối với kết quả sáng tạo mà họ đã làm ra. Đồng chí đã kiến nghị với Chính phủ ban hành Pháp lệnh về Sở hữu trí tuệ nhằm động viên tối đa sự sáng tạo của những nhà khoa học. Đây chính là động lực to lớn thúc đẩy giới trí thức không ngừng đóng góp nhiều hơn cho đất nước. Đồng chí cũng thường xuyên trực tiếp xuống cơ sở, gặp gỡ, trao đổi với những nhà nghiên cứu, chia sẻ khó khăn, động viên họ tích cực trong nghiên cứu. Chính vì vậy, lĩnh vực khoa học đã ngày càng phát triển, gắn bó thiết thực với thực tiễn, góp phần không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân.

THỰC HÀNH DÂN CHỦ

Tấm gương thực hành dân chủ, lấy dân làm gốc của Lê Quang Đạo theo tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện đặc biệt rõ trong giai đoạn đồng chí đảm nhận cương vị Chủ tịch Quốc hội khóa VIII (1987-1992) và Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1994-1999)

Trên cương vị Chủ tịch Quốc hội khóa VIII (1987-1992), đồng chí Lê Quang Đạo luôn quan tâm tới việc đổi mới tổ chức, hoạt động của Quốc hội, mở rộng dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh. Thời kỳ này tình hình thế giới có nhiều biến đổi sâu sắc, phức tạp, đất nước phải đương đầu với nhiều khó khăn, thử thách, đồng chí Lê Quang Đạo đã lãnh đạo Quốc hội, từng bước đổi mới

trên mọi mặt hoạt động và có đóng góp tích cực, đáp ứng yêu cầu quản lý đất nước bằng pháp luật, phục vụ công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, đặc biệt là phát huy tối đa quyền dân chủ của nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo của đồng chí Lê Quang Đạo, Quốc hội khóa VIII đã hoạt động thực chất hơn, dân chủ hơn, thể hiện trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt thực hiện chức năng cơ bản nhất của Quốc hội là đại diện cho ý chí, quyền lợi của nhân dân, xây dựng các bộ luật, đạo luật và pháp lệnh. Trong nhiệm kỳ, Quốc hội đã ban hành hai bộ luật, 25 đạo luật, 40 pháp lệnh, nhiều hơn bảy khóa trước cộng lại. Điều đáng nói là nội dung các bộ luật, đạo luật và pháp lệnh toàn diện trên tất cả mọi lĩnh vực: kinh tế, chính trị, tổ chức bộ máy, do đó đã đảm bảo quyền dân chủ của mọi công dân, đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật xã hội. Đặc biệt, Quốc hội đã thực hiện lấy ý kiến nhân dân và thông qua việc sửa đổi Hiến pháp 1980 cho phù hợp với thời kỳ đổi mới thành Hiến pháp 1992. Hiến pháp 1992 được thông qua là đạo luật cơ bản để Quốc hội tiếp tục xem xét, điều chỉnh bổ sung các luật không còn phù hợp hoặc làm luật mới cho phù hợp với Hiến pháp. Đây là bước tiến mới cho nền dân chủ nước ta, đi đôi với tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Cùng với việc xây dựng các đạo luật, vấn đề thực hiện tốt quyền làm chủ của nhân dân thông qua lãnh đạo, chỉ đạo Quốc hội chú trọng hơn tới chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước cũng được Chủ tịch Quốc hội Lê Quang Đạo đặc biệt quan tâm. Quốc hội đã quan tâm tới những vấn đề cấp bách của đời sống xã hội: về kinh tế-xã hội, về bảo đảm quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, về trật tự an toàn xã hội. Đó chính là minh chứng về việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân, đề cao quyền lợi của nhân dân, góp phần nâng cao đời sống nhân dân, phát triển đất nước. Đây là mục tiêu và đích hướng tới trong hoạt động của Quốc hội.

Phát huy quyền dân chủ đại diện của nhân dân, trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa VIII, Chủ tịch Quốc hội Lê Quang Đạo cũng luôn quan tâm tới công tác giám sát của Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban thường trực của Quốc hội trong xem xét thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về tình hình kinh tế-xã hội, về thi hành pháp luật và các vấn đề có liên quan khác. Quốc hội cũng đã đổi mới lề lối làm việc, từng bước vươn lên thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, đáp ứng niềm tin và lòng mong mỏi của nhân dân.

XÂY DỰNG MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Tám gương về thực hành dân chủ, lấy dân làm gốc của đồng chí Lê Quang Đạo thể hiện rõ nhất trong thời kỳ đồng chí tham gia lãnh đạo xây dựng Mặt trận Tổ quốc, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Trong 60 năm hoạt động cách mạng, đồng chí Lê Quang Đạo có 17 năm tham gia Đoàn Chủ tịch Ủy ban

Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1982-1999), trong đó 12 năm là Bí thư Đảng đoàn Mặt trận (1987-1999) và 5 năm là Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1994-1999). Đây là dịp đồng chí hoạt động, tiếp xúc gần gũi với dân. Đồng chí đã có nhiều đóng góp, sáng tạo trong xây dựng Mặt trận, củng cố khối đại đoàn kết và phát huy quyền làm chủ thực sự của nhân dân.

Vận dụng, kế thừa và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ, lấy dân làm gốc, về xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất trong tình hình mới, đồng chí Lê Quang Đạo đã xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất trên tinh thần dân chủ, phát huy quyền làm chủ của người dân và đem lại những hiệu quả tích cực. Là người đứng đầu tổ chức Mặt trận, đồng chí luôn chỉ đạo và đi đầu thực hiện lắng nghe dân để thấu hiểu lòng dân, để tiếp nhận nhiều thông tin, dữ liệu từ nhân dân làm cơ sở, sử dụng thông tin đó ngày càng tốt hơn.

Trong xây dựng Mặt trận, đồng chí Lê Quang Đạo luôn chú trọng phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Theo đồng chí: “Dân chủ là vấn đề thuộc bản chất của chế độ ta. Là truyền thống của dân tộc và tư tưởng Hồ Chí Minh... Dân chủ là xu thế phát triển của loài người. Dân chủ tư sản cũng là một bước phát triển lớn nằm trong xu thế đó... Với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, điều mà chúng ta mong muốn là xây dựng một chế độ mà quyền làm chủ thuộc về toàn bộ nhân dân, kể cả nhân dân lao động”⁽³⁾. Đây chính là bài học thành công của Cách mạng Tháng Mười Nga, mặt khác cũng là nguyên nhân dẫn tới những sai lầm của Đảng Cộng sản Liên Xô và Nhà nước Xô viết khi có tiềm lực mạnh nhưng không phát huy được sức mạnh của dân dẫn tới sụp đổ⁽⁴⁾. Đây là kinh nghiệm để các nước như Việt Nam tự rút ra bài học xương máu cho mình trên con đường phát triển.

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của nhân dân, “Tất cả quyền lực phải thuộc về nhân dân”, đồng chí Lê Quang Đạo luôn trăn trở tìm cách thức để phát huy quyền làm chủ thực sự của nhân dân, đổi mới mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân thông qua cầu nối là Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng. Phát biểu tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (ngày 29/6/1996), đồng chí khẳng định: “Một yếu tố quyết định để tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc là phát huy quyền làm chủ của nhân dân theo cơ chế: “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”. Đây là vấn đề thuộc bản chất của chế độ ta”⁽⁵⁾. Trên cơ sở thực tiễn, đồng chí Lê Quang Đạo chỉ rõ: “Sự lãnh đạo của Đảng cách mạng chân chính với đường lối và phương thức lãnh đạo đúng đắn, luôn gắn bó chặt chẽ với nhân dân là yếu tố quyết định nhất bảo đảm cho chính quyền thực sự thuộc về nhân dân. Đảng ta là tổ chức lãnh đạo Nhà nước duy nhất như Hiến pháp đã quy định nhưng Đảng không phải là tổ chức quyền lực ở trên Nhà nước, trên nhân dân. Chúng ta cần

nắm vững nguyên lý: Đảng lãnh đạo nhân dân làm cách mạng, chứ Đảng không thay nhân dân cầm quyền”⁽⁶⁾. Lý giải rõ vai trò lãnh đạo của Đảng, khi trả lời phỏng vấn của báo *Tuổi trẻ*, ngày 18/4/1996, đồng chí Lê Quang Đạo đã phân tích: “Không nên hiểu vai trò lãnh đạo của Đảng như là một tổ chức quyền lực cao hơn hết thảy bắt buộc tất cả phải nghe theo. Mà vai trò lãnh đạo của Đảng là vai trò tiên phong: Đảng nắm lý luận cách mạng, các vấn đề khoa học có liên quan, những thực tế tình hình đất nước, tổng kết kinh nghiệm hoạt động của nhân dân, từ đó đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn để đưa cách mạng tiến lên, đem lại lợi ích cho nhân dân. Đường lối được thể chế hóa thành pháp luật. Rồi Đảng tiên phong, gương mẫu trong việc thực hiện đường lối đó để toàn dân noi theo thực hiện. Như Bác Hồ đã dạy: “Đảng viên đi trước, làng nước theo sau”. Còn quyền lực thuộc về nhân dân. Đảng lãnh đạo Nhà nước để đảm bảo cho tất cả quyền lực thuộc về nhân dân, phát huy được quyền làm chủ của nhân dân”⁽⁷⁾. Đồng chí Lê Quang Đạo chỉ rõ: “Yếu tố quan trọng để sự lãnh đạo của Đảng đúng đắn là Đảng phải có quan hệ máu thịt với dân, phải lắng nghe ý kiến của nhân dân, hiểu được nguyện vọng chính đáng của nhân dân”⁽⁸⁾. Sức mạnh vĩ đại của Đảng là ở nhân dân, là sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Mọi tổ chức Đảng cũng như tất cả các đảng viên đều phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, gương mẫu chấp hành pháp luật.

Nhà nước quản lý đất nước bằng pháp luật; phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững kỷ cương phép nước, phải không ngừng hoàn chỉnh hệ thống pháp luật vào cuộc sống. Do đó, theo đồng chí Lê Quang Đạo: “Phải có cơ chế, chính sách, pháp luật cụ thể để đảm bảo cho nhân dân tham gia quản lý xã hội, thực hiện quyền giám sát của mình đối với hoạt động của cơ quan nhà nước và đại biểu dân cử theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”⁽⁹⁾.

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân để xây dựng cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn về mọi mặt, để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các tầng lớp nhân dân, của mọi công dân. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Những người phạm tội dù ở cương vị nào cũng phải được xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Có vậy dân mới tin, mới tăng cường được khối đại đoàn kết dân tộc.

Mặt trận là cầu nối giữa Đảng với dân bởi Đảng, Nhà nước trình bày với Mặt trận những quyết định, chủ trương lớn để lấy ý kiến của toàn dân thông qua người đại diện của mình là Mặt trận, đồng thời cũng là để Mặt trận thấy được và hiểu rõ chủ trương, quyết định của Đảng để Mặt trận vận động nhân dân ủng hộ và thực hiện đường lối đúng đắn đó, biến thành những thắng lợi to lớn⁽¹⁰⁾. Do đó, đồng chí Lê Quang Đạo đã xác định rõ trách nhiệm và thái độ của Mặt trận và cán bộ làm công tác Mặt trận là mong muốn được nghe ý kiến của mọi tầng lớp nhân dân, tập hợp và phản ánh với Đảng, Nhà nước để Đảng

cân nhắc, xem xét, tiếp thu những ý kiến... Đảng, Nhà nước và Mặt trận trân trọng tất cả các ý kiến tâm huyết của nhân dân, dù ý kiến đó đúng hay chưa đúng, đồng ý hay chưa đồng ý đều rất cần, ít nhất nó cũng gợi ra điều gì đó để cùng suy nghĩ. Càng phát huy dân chủ trong việc phát biểu và tiếp thu ý kiến thì càng tiếp cận được chân lý đúng đắn, càng hạn chế được sai sót. Đó là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, của Mặt trận và toàn dân⁽¹¹⁾.

Để đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận, đồng chí Lê Quang Đạo cũng đã tổ chức nghiên cứu, khảo sát thực tế, tạo dư luận rộng rãi để Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ra Thông tri về “*Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư*”, hướng công tác Mặt trận về cơ sở xã, phường, góp phần phát huy tinh thần yêu nước, ý thức dân chủ, tự chủ, tự quản, tinh thần chủ động tích cực của nhân dân trong xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư. Cuộc vận động này đã trở thành một phong trào quần chúng rộng lớn nhất do Mặt trận phát động, tạo căn cứ để Đảng ra chỉ thị về Quy chế dân chủ ở cơ sở.

SÁNG NGỜI TÁM GƯƠNG ĐỒNG CHÍ LÊ QUANG ĐẠO

Từ những ngày đầu đi theo cách mạng cho tới những năm tháng cuối đời, đồng chí Lê Quang Đạo luôn thể hiện tám gương nhà yêu nước chân chính, người cộng sản mẫu mực, nhà lãnh đạo có uy tín lớn, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Theo tám gương người thầy Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh vĩ đại, trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, dù trải qua nhiều khó khăn, thử thách, đồng chí Lê Quang Đạo luôn kiên trung với mục tiêu, lý tưởng đã trọn: vì độc lập của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân. Đặt quyền lợi của nhân dân lên trên hết, trước hết, đồng chí Lê Quang Đạo luôn thực hành dân chủ và lấy dân làm gốc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hơn 20 năm đã trôi qua kể từ ngày trái tim người cộng sản Lê Quang Đạo ngừng đập, nhưng tám gương người cộng sản kiên trung, tám gương người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn ngời sáng. Quan điểm của đồng chí Lê Quang Đạo về thực hành dân chủ, lấy dân làm gốc theo tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn vẹn nguyên giá trị lý luận và thực tiễn.

Kế thừa, phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các học trò của Người, kế thừa quan điểm của các kỳ Đại hội trước, trong bối cảnh, tình hình mới, vấn đề thực hành dân chủ, lấy dân làm gốc vẫn luôn được Đảng Cộng sản Việt Nam quan tâm. Trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, khi đề ra nhiệm vụ, giải pháp nhằm đưa đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới, nhiệm vụ thứ 5, được Đảng nêu lên: “Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội”⁽¹²⁾. Báo cáo cũng nêu rõ: “Đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước. Phát huy tính tích cực chính trị - xã hội, quyền và trách nhiệm của nhân dân tham

gia xây dựng, chinh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức; có cơ chế giải phóng mọi tiềm năng, sức mạnh, khả năng sáng tạo, động viên nhân dân tham gia phát triển kinh tế và quản lý phát triển xã hội. Bảo đảm *công khai, minh bạch thông tin, quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của mọi tầng lớp nhân dân*. Thực hiện đúng đắn, hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, nhất là dân chủ ở cơ sở. Chống các biểu hiện dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức”⁽¹³⁾.

TS. Trần Thị Huyền

(1) Điều văn do Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh đọc tại Lễ truy điệu và an táng đồng chí Lê Quang Đạo, ngày 27/7/1999.

(2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) (11) Lê Quang Đạo: *Tuyển tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2011, tr. 207-208, 813, 814, 814, 759, 759-760, 746-747, 747, 760, 747, 747-748.

(12) (13) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2021, tập 1, tr.50, 5.

(13) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập 1, tr.51

Theo <https://tuyengiao.vn/>

KỶ NIỆM 62 NĂM THẢM HỌA DA CAM Ở VIỆT NAM (10/8/1961-10/8/2023)

Ngày vì nạn nhân chất độc da cam 10/8: Nỗi đau mang tên "cầu vòng"

Hơn 61 năm trước, khoảng 80 triệu lít chất độc hóa học đã thả xuống những cánh rừng miền Nam Việt Nam. Quân đội rải thảm gọi những chất độc màu xanh lá, màu hồng, màu trắng, màu tím, màu lam và nhiều hơn cả là 44 triệu lít chất độc màu da cam là "cầu vòng". Còn đối với những nạn nhân hứng chịu thảm họa này, đó là mảnh cầu vòng "chết chóc" trên bầu trời nước ta suốt 11 năm (từ 1961-1972). Ngày 10/08/1961 là ngày đầu tiên đế quốc Mỹ tiến hành

cuộc chiến tranh hóa học ở Việt Nam, sử dụng chất độc da cam/dioxin, nhằm triệt hạ nguồn sống của thảm thực vật ở miền Nam Việt Nam.

Từ đó đến nay, Việt Nam có khoảng 5 triệu người nhiễm chất độc da cam/dioxin. Nỗi đau này vẫn còn dai dẳng qua nhiều thế hệ và là minh chứng rõ nét nhất về hậu quả tàn khốc mà chiến tranh đã để lại. Các nạn nhân đã và đang tiếp tục sống trong đau đớn về thể chất và tinh thần.

Cuộc chiến tranh hóa học Mỹ tiến hành ở Việt Nam là cuộc chiến tranh có quy mô lớn gây hậu quả thảm khốc nhất trong lịch sử, hàng trăm nghìn nạn nhân đã bị chết và hàng trăm nghìn người khác đang từng ngày, từng giờ chống chọi với bệnh tật hiểm nghèo. Chất độc da cam đã hủy diệt thiên nhiên, hủy diệt sức khỏe con người, gây nhiều bệnh tật nặng nề (biến đổi gen di truyền qua mẹ hoặc bố, gây tai biến sinh sản, quái thai, dị dạng, dị tật bẩm sinh như: mù, câm, điếc, thiếu năng trí tuệ, tâm thần, ung thư...). Nạn nhân chất độc da cam không còn khả năng sản xuất, không có nguồn thu gây ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của người và gia đình chịu ảnh hưởng của chất độc da cam.

Trước những hậu quả hết sức nặng nề của chất độc màu da cam, Đảng, Nhà nước ta xác định công cuộc khắc phục hậu quả do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam đối với môi trường và sức khỏe con người là một vấn đề cấp bách, lâu dài, là trách nhiệm của tất cả các cấp ủy đảng chính quyền, của cán bộ, đảng viên và các tổ chức trong hệ thống chính trị. Với tinh thần đoàn kết dân tộc Đảng và Nhà nước ta đã cho phép thành lập Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam. Ngày 10/01/2004, Hội chính thức ra mắt và triển khai nhiều hoạt động phối hợp có hiệu quả như chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và đấu tranh đòi công lý cho nạn nhân chất độc da cam, góp phần xoa dịu nỗi đau với những gia đình có nạn nhân bị phơi nhiễm chất độc da cam/dioxin.

Trong những năm qua, các cấp, ngành và nhân dân tỉnh An Giang đã tích cực quan tâm, tạo điều kiện chăm sóc, giúp đỡ các nạn nhân chất độc da cam/Dioxin; đặc biệt là chăm sóc về sức khỏe. Hội Nạn nhân chất độc da cam tỉnh đã tham mưu cho các cấp ủy Đảng, chính quyền triển khai thực hiện tốt các chính sách ưu đãi đối với nạn nhân da cam; đẩy mạnh các hình thức tuyên truyền, vận động xã hội nêu cao tinh thần “Tương thân, tương ái”; tích cực vận động gây quỹ trợ giúp những gia đình nạn nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, thăm hỏi, tặng quà, khám, chữa bệnh; trao học bổng cho con cháu nạn nhân... qua đó tạo điểm tựa để các nạn nhân da cam ổn định cuộc sống.

Để thể hiện trách nhiệm của cộng đồng trong việc chung tay xoa dịu nỗi đau da cam, các cấp các ngành trong tỉnh luôn thực hiện chế độ ưu tiên trong khám chữa bệnh đối với người có công, gia đình chính sách và nạn nhân chất

độc da cam; hưởng ứng các phong trào giúp đỡ, chăm sóc; vào các ngày lễ, tết thường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, hội chữ thập đỏ... thăm, tặng quà, khám chữa bệnh, cấp phát thuốc miễn phí; qua đó, động viên tinh thần các nạn nhân và gia đình, giúp họ vượt qua nỗi đau bệnh tật và có thêm nghị lực vươn lên trong cuộc sống.

Chung tay xoa dịu nỗi đau da cam không chỉ là vấn đề từ thiện, nhân đạo mà hơn hết thể hiện đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", "Đền ơn đáp nghĩa" với những người có công với đất nước, nêu cao truyền thống "Thương người như thể thương thân". Điều này càng trở nên đặc biệt hơn khi các bạn trẻ chung tay hỗ trợ giúp đỡ các nạn nhân chất độc da cam/dioxin.

Ngày vì nạn nhân chất độc da cam Việt Nam 10/8, các ngành, các cấp, các tổ chức, cá nhân chung tay chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam/dioxin là lương tâm, trách nhiệm của xã hội, là đạo lý của dân tộc Việt Nam. Bằng sự hảo tâm và tấm lòng vàng của mình cùng nhau chia sẻ, giúp đỡ những nạn nhân nhiễm chất độc da cam/dioxin để họ vơi bớt mặc cảm và những khó khăn trong cuộc sống, góp phần thực hiện tốt chính sách hậu phương, xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước./.

Theo <https://www.angiang.dcs.vn/>

KỶ NIỆM 78 NĂM NGÀY CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG (19/8/1945 - 19/8/2023)

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 - sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công là thắng lợi vĩ đại đầu tiên của nhân dân ta từ khi có Đảng lãnh đạo, mở ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Từ đây, đất nước, xã hội, dân tộc và con người Việt Nam

bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

1. Bối cảnh lịch sử và diễn biến cuộc Tổng khởi nghĩa

Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn cuối. Hồng quân Xô Viết liên tiếp giành thắng lợi quyết định trên chiến trường châu Âu, giải phóng một loạt nước và tiến thẳng vào sào huyệt phát xít Đức tại Béc-lin. Ngày 9-5-1945, phát xít Đức đầu hàng vô điều kiện, chiến tranh kết thúc ở châu Âu. Ngày 8-8-1945, Hồng quân Liên Xô tiến công như vũ bão vào quân đội Nhật. Ngày 14-8-1945, phát xít Nhật đầu hàng vô điều kiện, chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc. Theo thỏa thuận của các nước Đồng minh, sau khi phát xít Nhật đầu hàng, quân đội Anh và Tưởng sẽ vào Đông Dương để giải giáp quân đội Nhật. Trong khi đó, thực dân Pháp lăm le dựa vào Đồng minh hòng khôi phục địa vị thống trị của mình; đế quốc Mỹ đứng sau các thế lực này cũng sẵn sàng can thiệp vào Đông Dương; những phần tử phản động, ngoan cố trong chính quyền tay sai Nhật đang âm mưu thay thầy đổi chủ, chống lại cách mạng.

Ở trong nước, trải qua các cuộc diễn tập, đến năm 1945, phong trào cách mạng dâng cao. Ngày 9-3-1945, phát xít Nhật làm cuộc đảo chính hất cẳng Pháp. Ngay trong đêm đó, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương mở rộng quyết định phát động một cao trào cách mạng làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa, thay đổi các hình thức tuyên truyền, cổ động, tổ chức và đấu tranh cho thích hợp. Tháng 3-1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Tháng 4-1945, Trung ương triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ, quyết định nhiều vấn đề quan trọng, thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân. Ngày 16-4-1945, Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị tổ chức các Ủy ban Dân tộc giải phóng các cấp và chuẩn bị thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam, tức Chính phủ lâm thời cách mạng Việt Nam.

Từ tháng 4-1945 trở đi, cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra mạnh mẽ, phong phú về nội dung và hình thức. Đầu tháng 5-1945, Bác Hồ từ Cao Bằng về Tuyên Quang, chọn Tân Trào làm căn cứ chỉ đạo cách mạng cả nước và chuẩn bị Đại hội quốc dân. Ngày 4-6-1945, Khu giải phóng Việt Bắc được thành lập, đặt dưới sự lãnh đạo của Ủy ban chỉ huy lâm thời, trở thành căn cứ địa của cả nước. Tháng 8-1945, Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) khẳng định: “Cơ hội rất tốt cho ta giành độc lập đã tới” và quyết định phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và tay sai trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương; đề ra ba nguyên tắc bảo đảm tổng khởi nghĩa thắng lợi, đó là: tập trung, thống nhất, kịp thời. 23 giờ ngày 13-8-1945, Ủy ban Khởi nghĩa ra Quân lệnh số 1 hiệu triệu toàn dân tổng khởi nghĩa. Ngày 16-8-1945, Đại hội Quốc dân họp tại Tân Trào thông qua “10 chính

sách lớn của Việt Minh”; thông qua “Lệnh tổng khởi nghĩa”; quy định quốc kỳ, quốc ca; thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Trung ương, tức Chính phủ Lâm thời do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi nhân dân cả nước tổng khởi nghĩa, trong đó chỉ rõ: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước đồng loạt vùng dậy, tiến hành tổng khởi nghĩa, giành chính quyền. Từ ngày 14 đến ngày 18-8, cuộc tổng khởi nghĩa nổ ra giành được thắng lợi ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ, đại bộ phận miền Trung, một phần miền Nam và ở các thị xã: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Hội An, Quảng Nam... Ngày 19-8, khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở Hà Nội. Ngày 23-8, khởi nghĩa thắng lợi ở Huế và ở Bắc Cạn, Hòa Bình, Hải Phòng, Hà Đông, Quảng Bình, Quảng Trị, Bình Định, Gia Lai, Bạc Liêu... Ngày 25-8, khởi nghĩa thắng lợi ở Sài Gòn - Gia Định, Kon Tum, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Trà Vinh, Biên Hòa, Tây Ninh, Bến Tre... Ở Côn Đảo, Đảng bộ nhà tù Côn Đảo đã lãnh đạo các chiến sĩ cách mạng bị giam cầm nổi dậy giành chính quyền.

Chỉ trong vòng 15 ngày cuối tháng 8-1945, cuộc tổng khởi nghĩa đã giành thắng lợi hoàn toàn, chính quyền trong cả nước về tay nhân dân.

Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội) lịch sử, trước cuộc mít tinh của gần một triệu đồng bào, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Lâm thời trình đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố trước quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Từ đó, ngày 2-9 là Ngày Quốc khánh của nước ta.

2. Nguyên nhân thắng lợi

- Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công mau lẹ do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân quan trọng, có ý nghĩa quyết định là sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt, khéo léo của Đảng; là sự vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta một cách đúng đắn, độc lập, tự chủ và sáng tạo. Đảng có phương pháp, chiến lược, chiến thuật cách mạng phù hợp, linh hoạt; nhận thức được thời cơ, chủ động đón thời cơ và kiên quyết chớp thời cơ, tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

- Cách mạng Tháng Tám thành công là do tinh thần yêu nước, đoàn kết, ý chí quật cường của các tầng lớp nhân dân ta, không chịu sống mãi kiếp nô lệ của người dân mất nước; một lòng đi theo Đảng và được Đảng lãnh đạo qua các cuộc tổng diễn tập, đã quyết vùng lên giành độc lập cho dân tộc. Trải qua 15 năm đấu tranh cực kỳ gian khổ và anh dũng dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã có

biết bao đồng bào, chiến sĩ đã không hề tiếc máu xương, hy sinh oanh liệt vì mục tiêu độc lập dân tộc.

- Cách mạng Tháng Tám được tiến hành trong bối cảnh quốc tế có những thuận lợi nhất định. Chủ nghĩa phát xít Đức, Ý, Nhật đã bị đánh bại, phong trào đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức và của các lực lượng tiến bộ trên thế giới phát triển mạnh.

3. Ý nghĩa lịch sử

- Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công là thắng lợi vĩ đại đầu tiên của nhân dân ta từ khi có Đảng lãnh đạo, mở ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Chính quyền về tay nhân dân, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á; chấm dứt chế độ quân chủ phong kiến ở Việt Nam; kết thúc hơn 80 năm nhân dân ta dưới ách đô hộ của thực dân, phát xít. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người dân một nước độc lập, làm chủ vận mệnh của mình. Nước Việt Nam từ một nước thuộc địa nửa phong kiến trở thành một nước độc lập, tự do và dân chủ. Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành một Đảng cầm quyền.

- Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của chủ nghĩa Mác-Lênin được vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam; là thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng ta gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, gắn sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; là sự thể nghiệm thành công đầu tiên chủ nghĩa Mác-Lênin tại một nước thuộc địa ở châu Á. Đây còn là quá trình phát triển tất yếu của lịch sử dân tộc trải qua mấy nghìn năm phấn đấu, đỉnh cao của ý chí quật cường, sức mạnh cố kết cộng đồng, tầm cao trí tuệ của dân tộc hòa quyện với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với xu thế của thời đại vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám cổ vũ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước bị chủ nghĩa đế quốc thực dân áp bức, thống trị. Nó khẳng định rằng, trong điều kiện trào lưu của cách mạng vô sản, cuộc cách mạng do một đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo không chỉ có thể thành công ở một nước tư bản kém phát triển, nơi mắt xích yếu nhất của chủ nghĩa đế quốc mà còn có thể thành công ở ngay một nước thuộc địa nửa phong kiến lạc hậu để đưa cả dân tộc đó đi lên theo con đường của chủ nghĩa xã hội.

4. Một số bài học kinh nghiệm

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 để lại nhiều bài học quý báu, nổi bật là:

Bài học thứ nhất là có một đảng tiên phong thật sự cách mạng, tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin, được tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng đã nắm vững hoàn

cảnh cụ thể của mỗi giai đoạn lịch sử, đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, có phương pháp và hình thức đấu tranh phù hợp; biết nắm bắt thời cơ, xây dựng lực lượng và tổ chức, sử dụng lực lượng; phát huy được sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để dẫn dắt quần chúng đứng lên giành và giữ chính quyền.

Bài học thứ hai là vấn đề giành và giữ chính quyền. Đảng ta đã biết chăm lo xây dựng lực lượng cách mạng, làm cho lực lượng cách mạng đủ mạnh, thu hút được đông đảo quần chúng tham gia, từ đó làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch, tạo ra thời cơ cách mạng để đưa cuộc cách mạng đến thành công. Để giữ vững chính quyền, Đảng và Nhà nước ta đã dựa chắc vào nhân dân, tạo nên sức mạnh vật chất và tinh thần để đấu tranh thắng lợi với thù trong giặc ngoài. Đảng ta biết kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và sử dụng bạo lực cách mạng thích hợp và đúng lúc để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Bài học thứ ba là vấn đề nắm bắt được thời cơ, đề ra được những quyết định chính xác và kịp thời. Nghệ thuật chỉ đạo tài tình của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc chọn đúng thời cơ, ra quyết định Tổng khởi nghĩa đúng lúc thể hiện cụ thể trong chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng tháng 3-1945 “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” và bản Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc phát đi đêm 13-8-1945. Cũng nhờ chọn đúng thời cơ mà sức mạnh của nhân dân ta trong Cách mạng Tháng Tám được nhân lên gấp bội, đã tiến hành tổng khởi nghĩa thành công trong phạm vi cả nước trong thời gian ngắn.

Theo Ban Tuyên giáo Trung ương

**KỶ NIỆM 78 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG LỰC LƯỢNG
CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM (19/8/1945 - 19/8/2023)
VÀ 18 NĂM NGÀY HỘI TOÀN DÂN BẢO VỆ ANH NINH
TỔ QUỐC (19/8/2005 – 19/8/2023)**

Tại sao 19/8 là ngày truyền thống của lực lượng Công an nhân dân?

Nói đến lịch sử của ngày 19/8 phải kể về năm 1945 với trang sử hào hùng của quân dân Việt Nam trong cuộc Cách mạng tháng 8 giành thắng lợi.

Tại sao lấy ngày 19/8 là ngày truyền thống của lực lượng CAND?

Ngày 19/8 là ngày truyền thống Công an nhân dân Việt Nam.

1858

Quân Pháp tấn công Đà Nẵng, tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Thời bấy giờ, nhiều cuộc đấu tranh, phong trào khởi nghĩa liên tiếp nổ ra đòi lại nền độc lập dân tộc.



8/1945

Từ ngày 13/8-17/8, các cơ quan đầu não của Đảng cộng sản Việt Nam liên tiếp họp và phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước



19 tháng 8 năm 1945



Nhân dân kéo về Nhà hát lớn Hà Nội thực hiện cuộc mít tinh lớn trong lịch sử với sự bảo vệ của Thanh niên tự vệ. Quân dân ta đã nhanh chóng làm chủ khu vực này.



Thắng lợi ở Hà Nội trở thành sức mạnh kéo theo sự bùng nổ cho các cuộc giải phóng ở những tỉnh thành khác.



Thời điểm đó, lực lượng vũ trang ở Bắc Bộ gọi là **Sở Liêm phóng**, ở Trung Bộ gọi là **Sở trinh sát**, ở Nam Bộ gọi là **Quốc gia tự vệ cuộc**, đều có nhiệm vụ **bảo vệ an ninh trật tự**. Đó là các tổ chức tiền thân của Công an nhân dân Việt Nam.



Chính vì thế, ngày 19/8 đã trở thành Ngày truyền thống Công an nhân dân Việt Nam



Nói đến lịch sử của ngày 19/8 phải nhớ về năm 1945 với trang sử hào hùng của quân dân Việt Nam trong cuộc Cách mạng tháng 8 giành thắng lợi, mở đầu cho Ngày Quốc khánh trọng đại của nước Việt Nam.

Vào thời điểm đó, lực lượng vũ trang ở Bắc Bộ gọi là Sở Liêm phóng, ở Trung Bộ gọi là Sở trinh sát, ở Nam Bộ gọi là Quốc gia tự vệ cuộc, dù vẫn chưa có tên gọi chung nhưng đều có nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự. Đó cũng là các tổ chức tiền thân của Công an nhân dân Việt Nam./.

(Theo <https://www.vietnamplus.vn/>)

NHÌN LẠI SỰ RA ĐỜI, PHÁT TRIỂN CỦA NGÀY HỘI TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

Những ngày qua, trên cả nước, các đơn vị, địa phương rộn ràng tổ chức các hoạt động Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Để hiểu thêm về vai trò đặc biệt quan trọng của Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, hãy cùng nhìn lại sự ra đời, phát triển của Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc qua các giai đoạn lịch sử.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Nhân dân từ miền xuôi tới miền ngược đã đóng góp công sức, tích cực tham gia cùng lực lượng CAND đấu tranh chống gián điệp, biệt kích, trừ gian, bảo vệ các cuộc hành quân, trú quân của bộ đội, dân công, bảo vệ các tuyến đường giao thông quan trọng, góp phần to lớn vào chiến dịch Điện Biên Phủ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự tham mưu, nòng cốt của lực lượng Công an các cấp, Nhân dân được tập hợp, tổ chức thành những đội quân tích cực tham gia phong trào “Phòng gian bảo mật”, nêu cao tinh thần cảnh giác để bảo vệ cuộc kháng chiến, chống lại mọi âm mưu của kẻ thù, vạch mặt những tên đầu sỏ gian ác, các đối tượng gián điệp làm tay sai cho địch; đặc biệt là Nhân dân đã đoàn kết thực hiện khẩu hiệu “Ba không” (không nghe, không biết, không thấy) nhằm giữ bí mật mọi thông tin của cuộc kháng chiến, thực hiện tuần tra canh gác, bảo vệ các lực lượng tham gia kháng chiến, góp phần quan trọng vào nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự, cùng toàn Đảng, toàn quân làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

Trong thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ, vai trò và sức mạnh của Nhân dân tiếp tục được phát huy cao độ. Bằng việc tham gia tích cực, có hiệu quả các phong trào “Ba phòng”, “Bảo mật phòng gian”, “Bảo vệ trị an”..., Nhân dân đã trở thành bức tường thành vững chắc, là chỗ dựa tin cậy của lực lượng CAND trong đấu tranh chống gián điệp biệt kích, chống phản động và các đối tượng gây rối an ninh, trật tự, phá hoại công cuộc đấu tranh giải phóng đất nước. Được sự giúp đỡ to lớn của các tầng lớp Nhân dân, lực lượng Công an ở cả hai miền Nam, Bắc đã đấu tranh thắng lợi, làm thất bại nhiều âm mưu, ý đồ phá hoại đất nước của các thế lực phản động, bảo vệ an toàn các cơ quan đầu não của Trung ương Đảng và Bộ Công an... góp phần giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, cùng toàn Đảng, toàn quân đánh thắng đế quốc Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Sau ngày đất nước thống nhất, Nhân dân tiếp tục sát cánh giúp đỡ lực lượng Công an đấu tranh đập tan âm mưu bạo loạn, lật đổ chính quyền cách mạng của các thế lực thù địch, các tổ chức đảng phái phản động ở trong nước và phản động lưu vong ở nước ngoài; tham gia các phong trào bảo vệ an ninh, trật

tự, phòng, chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, góp phần bảo vệ thành quả cách mạng và công cuộc xây dựng, kiến thiết đất nước sau chiến tranh.

Trong thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế, Đảng, Nhà nước ta tiếp tục khẳng định vai trò của Nhân dân, đặc biệt coi trọng công tác vận động và phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân, coi đó là công tác trọng tâm, có tính chiến lược trong đường lối chỉ đạo thực hiện công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ an ninh, trật tự, đồng đảo các tầng lớp Nhân dân tiếp tục tham gia tích cực vào phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, coi đó là nghĩa vụ để góp phần bảo vệ sự bình yên của cá nhân, gia đình và cộng đồng xã hội. Tham gia phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, Nhân dân được thực hiện quyền làm chủ trên lĩnh vực bảo vệ an ninh, trật tự, được bàn bạc, trao đổi, đề ra cách thức, biện pháp giữ gìn cuộc sống bình yên và tự tổ chức thực hiện. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của chính quyền các cấp, sự hướng dẫn và làm nòng cốt của lực lượng Công an, Nhân dân đã phát huy vai trò làm chủ và sức mạnh tiềm tàng, thực sự là “tai mắt”, là chỗ dựa tin cậy giúp lực lượng Công an đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch và tội phạm, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Để phát huy vai trò to lớn của Nhân dân, ngày 13/6/2005, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 521/QĐ-TTg lấy ngày 19 tháng 8 hàng năm là “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc 19/8 cùng với Ngày Truyền thống lực lượng CAND, điều này không chỉ nhằm tôn vinh vai trò to lớn của Nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự của Tổ quốc mà còn thể hiện truyền thống đoàn kết, gắn bó giữa lực lượng Công an với Nhân dân.

Qua 18 năm thực hiện Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, Nhân dân được tham gia ngày càng nhiều hơn vào việc xây dựng các văn bản pháp luật, kế hoạch, chương trình hành động, quy ước, hương ước bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; được tạo điều kiện để trực tiếp tham gia vào các đợt cao điểm vận động quần chúng tấn công trấn áp tội phạm và tệ nạn xã hội; được tham gia vào các mô hình tổ chức quần chúng tự quản, tự phòng, tự bảo vệ về an ninh, trật tự; đồng thời Nhân dân cũng tích cực tham gia phát hiện, tố giác tội phạm, tệ nạn xã hội; cộng tác, giúp đỡ lực lượng Công an phòng, chống tội phạm; đặc biệt là Nhân dân đã đóng góp nhiều ý kiến chân thành, xác đáng để xây dựng lực lượng Công an ngày càng trong sạch, vững mạnh. Thực tế đã có hàng chục nghìn tập thể và cá nhân là quần chúng Nhân dân có thành tích xuất sắc trong phòng, chống tội phạm và tham gia phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được tôn vinh, khen thưởng.

Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hằng năm được lực lượng Công an tham mưu cho chính quyền các cấp tổ chức trên khắp mọi miền đất nước đảm bảo yêu cầu, thiết thực nhằm ôn lại vị trí, vai trò, tầm quan trọng của phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” đánh giá kết quả đạt được và đề ra phương hướng xây dựng phong trào trong thời gian tiếp theo, thảo luận, trao đổi kinh nghiệm về xây dựng phong trào; khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự; ký kết giao ước thi đua giữa các ban, ngành, đoàn thể các cơ quan, đơn vị trong công tác đảm bảo an ninh trật tự. Trong ngày hội, nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức như: Hội diễn văn nghệ quần chúng, thi đấu thể thao... thu hút đông đảo các tầng lớp Nhân dân tham gia. Nhiều địa phương còn tổ chức các hoạt động xã hội có ý nghĩa như tổ chức khám, chữa bệnh, cấp, phát thuốc miễn phí cho người dân; thăm hỏi, tặng quà đối tượng chính sách, người có hoàn cảnh khó khăn... Chính vì vậy, Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đã trở thành phong trào rộng khắp tạo nên khí thế thi đua sôi nổi, thực sự là ngày hội của Nhân dân./.

Theo <https://congan.kontum.gov.vn/>

KỶ NIỆM 135 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH TÔN ĐỨC THẮNG (20/8/1888 - 20/8/2023)

Nhân cách người cộng sản Tôn Đức Thắng

Chủ tịch Tôn Đức Thắng (tên thường gọi Hai Thắng; bí danh Thoại Sơn), người con ưu tú của dân tộc, được nhân dân kính trọng gọi là “Bác Tôn”. Ông sinh ngày 20/8/1888 trong một gia đình có truyền thống yêu nước ở Cù lao ông Hồ, xã Mỹ Hòa Hưng, tổng Định Thành, tỉnh Long Xuyên (nay thuộc thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang); một miền quê giàu truyền thống cách mạng. Thân

phụ là cụ Tôn Văn Đề và thân mẫu là cụ Nguyễn Thị Di, đều là những nông dân cần cù, hiền lành, chất phác. Tôn Đức Thắng là con trai đầu lòng cùng một em trai và hai em gái.

Bác Tôn là một trong những người chiến sĩ cách mạng xuất sắc thuộc lớp đầu tiên của phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta và là người bạn chiến đấu thân thiết, lâu năm của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng, dù ở bất cứ đâu, cương vị nào, đồng chí cũng thể hiện nhân cách của người Cộng sản chân chính, luôn khiêm tốn, giản dị, gần gũi, đoàn kết với mọi tầng lớp nhân dân, nhưng vẫn toát lên tinh thần bất khuất, kiên cường của người chiến sĩ cộng sản, một tấm gương đạo đức cách mạng sáng ngời.

Sinh ra trong hoàn cảnh đất nước bị ngoại xâm, các phong trào yêu nước bị thất bại và đàn áp khốc liệt, lẽ đương nhiên không khí chính trị ấy đã tác động rất sâu sắc đến nhận thức của đồng chí Tôn Đức Thắng từ thuở thiếu thời. Bên cạnh đó, quê hương An Giang, vùng đất phù sa bốn mùa cây trái xanh tươi, giàu tình nghĩa và truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm đã góp phần bồi đắp những phẩm chất quý báu trong tính cách và tâm hồn Bác Tôn từ thời thơ ấu.

Thời niên thiếu Tôn Đức Thắng được học chữ Nho từ người thầy giáo yêu nước là ông Nguyễn Thượng Khách. Thời gian sau đó, đồng chí tiếp tục theo học ở trường tỉnh Long Xuyên và học xong bậc Sơ học vào năm 18 tuổi. Vốn là người có tư chất thông minh, thành thạo tiếng Pháp, giỏi về kỹ thuật cơ khí, lại có tính tự lập cao nên đồng chí bắt đầu cuộc sống làm thợ, hòa mình vào phong trào công nhân từ năm 1907, khi làm công nhân Nhà máy Ba Son của Hải quân Pháp ở Sài Gòn. Sau đó bị điều động sang Pháp từ 1914 đến 1918, đồng chí tham gia hoạt động cách mạng từ chiến tranh thế giới, làm công nhân quân giới ở Quân cảng Toulon (miền Nam nước Pháp) và làm thợ máy trên chiến hạm France. Ngày 20/4/1919, dưới sự lãnh đạo của Công hội Pháp, đồng chí đã tham gia phản chiến và treo cờ đỏ trên chiến hạm để ủng hộ Cách mạng tháng Mười Nga, tham gia cuộc binh biến của binh sĩ Pháp ở biển Hắc Hải, sau đó bị trục xuất khỏi nước Pháp về lại Việt Nam.

Năm 1920, lập Công hội bí mật ở Sài Gòn, đây là tổ chức Công hội đầu tiên của giai cấp công nhân Việt Nam. Năm 1927, đồng chí tham gia Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội và trực tiếp lãnh đạo phong trào công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn. Tháng 12/1928 bị địch bắt ở Sài Gòn. Ngày 26/7/1929, đồng chí bị kết án 20 năm khổ sai. Đêm ngày 2 rạng sáng ngày 3/7/1930, con tàu Armand Rousseau của thực dân Pháp lạng lẽ rời Sài Gòn đưa Tôn Đức Thắng và một số cán bộ, quần chúng yêu nước đày ra Côn Đảo. Kể từ đó cho đến ngày 18/8/1945, khi Côn Đảo được giải phóng, người tù mang số tù 5289-TF cùng với lời ghi chú trong phiếu quản lý “Phần tử nguy hiểm” đã chứng tỏ nghị lực

phi thường, ý chí kiên cường và lòng trung thành vô hạn với cách mạng. 15 năm ở “Địa ngục trần gian” Côn Đảo là quãng thời gian thử thách lớn nhất trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Tôn Đức Thắng nhưng đó cũng là quãng đời đầy vinh quang khi Bác thực sự biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng.

Khi chuẩn bị được đón về đất liền, Bác Tôn đã lấy một chiếc xuồng cứu sinh trên chiếc tàu Nhật bị đắm trôi dạt vào đảo, hỏng máy để sửa chữa. Bàn tay thợ máy lành nghề của Bác Tôn, dù khi ấy đã 57 tuổi, khôi phục chiếc xuồng - canô này sau một tuần mày mò trong điều kiện thiếu thốn dụng cụ, thiết bị trên đảo. Tiếng máy nổ giòn đánh thức niềm tự hào thủy thủ. Không ngần ngại biển khơi mùa gió, Bác Tôn xuống canô, tự tin cầm lái. Những người đồng đội thân thiết cùng xuống canô với Bác, có 13 đồng chí như: Phạm Hùng, Phan Trọng Tuệ, Lê Văn Lương, Nguyễn Văn Vịnh, Lã Vĩnh Lợi, Trần Diệp, Nguyễn Hùng Minh, Nguyễn Hùng Phước... Do sóng to, gió lớn canô không bám được theo đoàn với 23 chiếc ghe bầu ra đón hơn 1.800 cựu tù chính trị Côn Đảo. Ca nô đã đi vào cửa Mỹ Thanh, cập bến cồn Nóc và sau đó được nhân dân đón tiếp, đưa về tỉnh lỵ Sóc Trăng ngay trong đêm, hội cùng đoàn tại trường Lasan Taberd vào ngày 23/9/1945.

Cuối năm 1945, được sự tín nhiệm cao của Đảng, Bác được Xứ ủy bầu giữ nhiệm vụ Bí thư Xứ ủy, rồi giao phụ trách Ủy ban Kháng chiến Nam bộ và chỉ đạo lực lượng vũ trang, rồi Chủ nhiệm hậu cần của Ủy ban Kháng chiến miền Nam. Bác Tôn cùng tập thể Xứ ủy gấp rút củng cố bộ máy tổ chức và tăng cường đội ngũ cán bộ cho các lực lượng quân, dân, chính đảng nhằm kịp thời đáp ứng cho nhu cầu tác chiến ở thành phố Sài Gòn và các địa phương trên chiến trường Nam bộ trong những ngày đầu kháng Pháp.

Đặc biệt, ngày 23/12/1945, nhân dân Sài Gòn đã giành được thắng lợi lớn trong việc tiến hành cuộc Tổng tuyển cử. Với sự tín nhiệm cao và lòng quý mến sâu sắc, Bác Tôn đã được đồng bào ta ở Sài Gòn đồng lòng nhất trí bầu làm người đại biểu xứng đáng của mình tại Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam mới. Tháng 2/1946, thay mặt Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tặng đồng bào Nam bộ danh hiệu vẻ vang “Thành đồng Tổ quốc”. Trong thời điểm lịch sử đó, Bác Tôn được điều động ra Thủ đô Hà Nội để cùng với Bác Hồ và Trung ương Đảng chỉ đạo công cuộc kháng chiến, kiến quốc.

Từ năm 1946 khi ra miền Bắc Bác Tôn đã lần lượt đảm nhận những trọng trách của Đảng, Nhà nước, Quốc hội: Trưởng ban Vận động thi đua ái quốc Trung ương (1948), Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1951), Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Liên Việt (1951), Trưởng ban Thường trực Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1955), Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1960), Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1969) và Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

(1976). Ngoài ra, Bác còn là Chủ tịch danh dự Ủy ban bảo vệ hòa bình thế giới của Việt Nam và là Ủy viên Hội đồng hòa bình thế giới.

Trong những ngày Bắc đê Nam, Bác Tôn luôn luôn hướng về mảnh đất “Thành đồng Tổ quốc” và thành phố Sài Gòn với nỗi niềm thương nhớ khôn nguôi. Là người con Nam bộ, thường trực trong Bác luôn dành tình cảm sâu nặng với quê hương, Bác viết: “Trong từng giờ, từng phút, tôi luôn luôn nghĩ đến miền Nam, nơi chôn nhau cắt rốn, đang bị bọn đế quốc và bọn tay sai tàn phá... Tôi muốn được sát cánh với đồng bào trong cuộc đấu tranh, cùng đồng bào chia sẻ những gian khổ hy sinh để giải phóng quê hương yêu dấu” và “nhiều lần đề nghị với Bác Hồ, với Trung ương cho trở về chiến trường để cùng với đồng chí, đồng bào Nam bộ tham gia kháng chiến”(1)....

Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Tôn Đức Thắng là một tấm gương sáng về lòng trung thành, tận tụy; về tinh thần anh dũng, bất khuất; về đức tính khiêm tốn, giản dị. Trên 70 năm cống hiến cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng, của dân tộc Việt Nam, cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đồng chí Tôn Đức Thắng vinh dự là người đầu tiên được Quốc hội và Chủ tịch Hồ Chí Minh trao tặng Huân chương Sao Vàng - Huân chương cao quý nhất của Nhà nước ta, được Đảng, Nhà nước ta trao tặng Huân chương Đại đoàn kết; được Quốc hội nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ trao tặng Huân chương cao quý nhất của Nhà nước Mông Cổ, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Cu Ba trao tặng Huân chương Hữu nghị Cu Ba, Đoàn Chủ tịch Xô Viết Tối cao Liên Xô trao tặng Huân chương Lenin - Huân chương cao nhất của Liên Xô,... cùng nhiều phần thưởng cao quý khác.

Ngày 30/3/1980, khi Chủ tịch Tôn Đức Thắng từ trần tại Hà Nội sau một cơn suy tim nặng, thọ 92 tuổi, Thông cáo đặc biệt của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam báo tin cho quốc dân đồng bào, có đoạn đánh giá về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch như sau: “Đồng chí Tôn Đức Thắng là nhà yêu nước vĩ đại, người cộng sản kiên cường mẫu mực, người lãnh đạo kính mến của giai cấp công nhân và nhân dân các dân tộc nước ta, người bạn chiến đấu thân thiết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người chiến sĩ hết sức trung thành của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế”(2).

Cảm phục, trân trọng tấm gương của nhà lãnh đạo đầy trách nhiệm trước dân, trước Đảng, một tấm gương thực hành đạo đức cách mạng, tấm gương của sự khiêm tốn, giản dị, liêm khiết, trung thực, chân thành, luôn chí công vô tư, luôn đặt lợi ích của Đảng, của dân lên trên hết, trước hết. Bác Tôn, một con người giản dị bình thường nhưng vĩ đại, Bác vĩ đại là do tấm lòng vĩ đại, do nhân cách vĩ đại và do việc làm suốt đời phục vụ nhân dân, lấy hạnh phúc nhân dân làm hạnh phúc của chính mình. Tư cách đạo đức của Bác Tôn sáng ngời, người con của Cù lao ông Hồ, người thợ của Ba Son, người chiến sĩ ở Hắc Hải

và người Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đạo đức và lối sống vĩ đại. Đúng như đánh giá của nhà sử học Christoph Giebel, tại Khoa Sử Đại học Washington, Hoa Kỳ, một chuyên gia nghiên cứu về Chủ tịch Tôn Đức Thắng đã nói: “Chủ tịch Tôn Đức Thắng là người khiêm tốn giản dị, sống thật với bản chất và lý tưởng của mình, ông ấy được mô tả là một nhà cách mạng kiểu mẫu. Thật là một người bình thường vĩ đại”(3). Dù ở bất cứ cương vị nào, từ người công nhân bình thường đến Chủ tịch nước, Bác đều có một phong cách sống giản dị, khiêm tốn và đó được xem như là đức tính suốt đời của Bác Tôn. Đồng chí Tôn Đức Thắng luôn nêu cao tấm gương sáng về lòng trung thành, sự tận tụy, mẫu mực, cần, kiệm, liêm, chính, khiêm tốn, giản dị, phấn đấu quên mình để hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó.

Dù ở những cương vị nào, đồng chí vẫn hết lòng, hết sức tận tụy phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân; vẫn giữ vững những đức tính vốn có của mình, làm nhiều nói ít, ghét sự sang trọng xa hoa. Người yêu lao động trí óc và lao động chân tay, lao động trở thành nhu cầu. Người tổ chức, sắp xếp công việc khoa học, hợp lý, luôn tuân thủ kỷ luật lao động và chế độ công tác. Chủ tịch Tôn Đức Thắng thực sự là một tấm gương tiết kiệm mẫu mực, tiết kiệm trong tiêu dùng hằng ngày, sinh hoạt gia đình, tiết kiệm của cải đất nước. Người sống liêm khiết, trong sạch, ngay thẳng, chân thành, không tham quyền, cố vị, luôn đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lên trên hết.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng, trong bài “Bác Tôn - Nhà cách mạng bất tử”, đã viết: “Di sản quý nhất mà đồng chí Tôn Đức Thắng để lại cho nhân dân là chất người Tôn Đức Thắng, sản phẩm tổng hợp của chất hào hiệp Nam bộ, chất kiên cường và tài năng sáng tạo Việt Nam, chất tiên phong của giai cấp công nhân, chất cách mạng của người yêu nước, người cộng sản, chất nhân đạo của con người. Tinh túy của chất ấy là lòng thương nước, yêu dân, niềm ưu ái với đồng bào, đồng chí; niềm tin sắt đá vào thắng lợi của cách mạng mặc dù mọi khó khăn, gian khổ, tinh thần một lòng, một dạ phục vụ nhân dân, đức chí công vô tư quên mình, sự khiêm tốn, giản dị hồn nhiên, trong sáng”(4).

Đối với gia đình, Bác Tôn là một người chồng, người cha mẫu mực, vẹn nghĩa thủy chung. Cả cuộc đời hoạt động cách mạng, Bác Tôn cũng chỉ gặp vợ và hai cô con gái một đôi lần. Vợ Bác một mình chu toàn mọi việc, làm hậu phương vững chắc cho chồng yên tâm công tác. Năm 1954, sau 25 năm xa cách, hai Bác mới được hàng ngày sống bên nhau, lúc gặp nhau cả hai Bác đã lớn tuổi, đỡ đần nhau khi đau yếu, bác gái vẫn tự lao động, từ giặt quần áo đến cơm nước, làm được việc gì thì làm không hề sai ai cả... Bác gái Đoàn Thị Giàu qua đời lúc 4 giờ sáng ngày 25/5/1974 tại Quân y viện 108. Từ đó, cứ đúng ngày 25 hàng tháng, bao giờ Bác Tôn cũng đi viếng người vợ yêu quý của mình. Tình nghĩa vợ chồng son sắt, thủy chung của vợ chồng Bác Tôn là một mẫu mực về hạnh phúc gia đình, là tấm gương nhân nghĩa vợ chồng cho chúng ta noi theo.

Tất cả những điều đó đã tạo ra một nhân cách người cộng sản Tôn Đức Thắng. Năm 1958, phát biểu chúc mừng đồng chí Tôn Đức Thắng sinh nhật lần thứ 70 và vinh dự được tặng thưởng Huân chương Sao Vàng, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Đồng chí Tôn Đức Thắng là một gương mẫu đạo đức cách mạng; suốt đời cần, kiệm, liêm, chính, suốt đời hết lòng hết sức phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân”(5).

Kỷ niệm 135 năm Ngày sinh Chủ tịch Tôn Đức Thắng là dịp để chúng ta bày tỏ sự kính trọng, lòng biết ơn sâu sắc với Bác Tôn - một chiến sỹ cách mạng kiên cường, một người bạn chiến đấu gần gũi lâu năm của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại; người chiến sỹ hết sức trung thành của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, một nhà lãnh đạo mẫu mực của Đảng, của dân tộc ta đã hiến dâng cả cuộc đời cho lý tưởng cộng sản, độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhân cách người Cộng sản - Cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Tôn Đức Thắng gắn liền với những thay đổi to lớn, nhanh chóng và sáng ngời chân lý của dân tộc và thời đại. Chúng ta nguyện ra sức phấn đấu thực hiện thành công mong muốn của Bác Hồ và Bác Tôn kính yêu, xây dựng Đảng và Nhà nước ta thật sự trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc; xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

(1); (3); (4) Tôn Đức Thắng: Một con người bình thường - Vĩ đại, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013: tr.105; tr.339-345; tr. 211-370.

(2). Thông cáo đặc biệt của Ban Chấp Hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam báo tin cho quốc dân đồng bào về Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng từ trần, ngày 3/3/1980.

(5). Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 9, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1996, tr. 221.

Theo <https://soctrang.dcs.vn/>

KỶ NIỆM 112 NĂM NGÀY SINH ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP (25/8/1911 - 25/8/2023)

Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Vị tướng huyền thoại của dân tộc

Đại tướng Võ Nguyên Giáp tên khai sinh là Võ Giáp, bí danh là Văn, sinh ngày 25/8/1911 ở làng An Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình trong một gia đình nhà nho nghèo, giàu lòng yêu nước. Đồng chí Võ Nguyên Giáp được phong quân hàm Đại tướng và trở thành vị Đại tướng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam. Đảm nhiệm trọng trách lớn lao khi tuổi đời còn

khá trẻ (37 tuổi); nhưng với sự học tập, rèn luyện, phấn đấu không ngừng nghỉ, đồng chí luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, xứng đáng với sự tin tưởng của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam.

Với 30 năm là Tổng Tư lệnh Quân đội, Bí thư Quân ủy Trung ương, đồng chí luôn tỏ rõ là nhà quân sự xuất chúng, nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta; được cán bộ, chiến sĩ Quân đội yêu mến, kính trọng, suy tôn là “Người anh Cả” của Quân đội nhân dân Việt Nam.



Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp là vị tướng có công lao, đóng góp to lớn trong xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam hùng mạnh, chính quy, tinh nhuệ, ngày càng hiện đại. Từ Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân - đội quân chủ lực đầu tiên chỉ với 34 chiến sĩ và vài chục khẩu súng trường, súng kíp thô sơ, rồi từng bước lớn lên thành những trung đoàn, đại đoàn thiện chiến, kiên cường chiến đấu và chiến thắng kẻ thù xâm lược. Chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” là minh chứng sinh động về sự trưởng thành, lớn mạnh của Quân đội ta dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt của Đảng, Bác Hồ kính yêu và sự chỉ huy tài tình của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Lần đầu tiên trên thế giới, quân đội của một nước thuộc địa nhỏ ở châu Á đã đánh bại quân đội của một cường quốc châu Âu.

Bước sang cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đại tướng Võ Nguyên Giáp tiếp tục giữ cương vị là người đứng đầu Quân đội, cùng với Bộ Chính trị hoạch định những quyết sách chiến lược. Đại tướng là người sớm có kiến nghị và có nhiều công lao trong việc khẩn trương xây dựng Quân đội Nhân dân tiến lên chính quy, hiện đại, xây dựng các Quân chủng Phòng không - Không quân, Hải quân, Binh chủng Đặc công, xây dựng đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh trên bộ và đường Hồ Chí Minh trên biển chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam và tiến thẳng đến dinh lũy của kẻ địch vào ngày toàn thắng. Đặc biệt, gần cuối cuộc kháng chiến chống Mỹ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đề xuất ra việc

khẩn trương thành lập các quân đoàn chủ lực (Quân đoàn 1, 2, 3 và 4) để nhân sức mạnh tổng hợp của các sư đoàn, đáp ứng yêu cầu tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng, thực hiện những trận đánh tiêu diệt lớn. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 với đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã chứng minh đề xuất trên của đồng chí Tổng Tư lệnh là sáng tạo và chính xác, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn chiến trường, đáp ứng nhạy bén yêu cầu của sự phát triển quân đội và quy luật phát triển của chiến tranh vào thời điểm đó.

Kỷ niệm 112 năm Ngày sinh Đại tướng Võ Nguyên Giáp là dịp để chúng ta ôn lại cuộc đời, sự nghiệp, sự đóng góp to lớn của Đại tướng đối với cách mạng Việt Nam; đồng thời, góp phần giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, lòng yêu nước, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ.

Theo <https://binhdinh.dcs.vn/>

KỶ NIỆM 132 NĂM NGÀY SINH CỦA ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN TÀN (28/8/1891 - 28/8/2023)

132 năm ngày sinh đồng chí Võ Văn Tàn: Hiến dâng trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng

Trong lịch sử đấu tranh cách mạng oanh liệt và vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân các tỉnh Nam Bộ, đồng chí Võ Văn Tàn thuộc thế hệ chiến sĩ cách mạng tiên bối, lớp đảng viên đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Với 50 tuổi đời, hơn 15 năm hoạt động cách mạng liên tục và sôi nổi, đồng chí đã hiến dâng trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc.

Người chiến sỹ cách mạng kiên trung

Đồng chí Võ Văn Tàn sinh tháng 8.1891 trong một gia đình nông dân có truyền thống yêu nước ở làng Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Chợ Lớn (nay thuộc tỉnh Long An). Từ nhỏ khi chứng kiến cảnh nước mất, nhà tan, đồng bào sống cơ cực, lầm than dưới ách quân xâm lược, đồng chí đã sớm hình thành tình cảm yêu nước, thương dân, sớm giác ngộ lý tưởng cộng sản và đi theo con đường cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng.

Những năm 1924-1925, đồng chí tham gia tổ chức yêu nước Hội kín Võ An Ninh. Với lòng nhiệt tình và niềm tin của tuổi trẻ, đồng chí đã hòa mình vào phong trào yêu nước, phong trào đấu tranh giành tự do của dân tộc - là bước tiến

gắn liền với chủ nghĩa cộng sản trong cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí.

Tháng 8.1929, đồng chí gia nhập tổ chức An Nam Cộng sản Đảng, trực tiếp vận động và thành lập chi bộ An Nam Cộng sản Đảng ở làng Đức Hòa, gồm bảy hội viên do đồng chí làm Bí thư (chi bộ đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam ở tỉnh Chợ Lớn xưa, ngày nay thuộc tỉnh Long An).

Từ năm 1930-1931, đồng chí Võ Văn Tần trực tiếp tham gia và phụ trách các cuộc biểu tình ở Chợ Lớn, Gia Định đòi tăng lương, giảm giờ làm, chống đánh đập công nhân vô cớ.

Tháng 6.1931, đồng chí Võ Văn Tần được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Chợ Lớn. Tháng 6.1932, đồng chí đứng ra thành lập cơ quan Liên huyện ủy Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa và tổ chức viết báo "Cờ lãnh đạo" (sau này được nâng chuyển thành cơ quan tuyên truyền của Xứ ủy Nam kỳ) để vận động, phục hồi cơ quan lãnh đạo của Đảng vừa bị phá vỡ để tổ chức đấu tranh. Cuối năm 1932, đồng chí chuyển sang làm Bí thư Tỉnh ủy Gia Định.

Từ năm 1933-1934, đồng chí vận động, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng ở các tỉnh miền Tây, chỉ đạo việc thành lập Tỉnh ủy Lâm thời Mỹ Tho.

Tháng 11.1935, đồng chí được cử vào Ban Thường vụ Xứ ủy Nam kỳ. Tháng 3.1937, đồng chí được chỉ định giữ trách nhiệm Bí thư Xứ ủy Nam kỳ và bầu bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương.

Tháng 3.1938 tại Bà Điểm, Hóc Môn, Gia Định, đồng chí được bầu vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

Ngày 14.7.1940, đồng chí Võ Văn Tần bị địch bắt khi đang họp bàn ở ấp Tân Thới Trung (nay là xã Tân Xuân thuộc huyện Hóc Môn, Bà Điểm). Kẻ địch dùng mọi thủ đoạn để dụ dỗ, tra tấn, nhưng không lung lạc được ý chí bất khuất kiên cường của người Đảng viên Cộng sản. Dù bị địch tra tấn đến tàn phế song đồng chí vẫn vận động đồng chí, đồng đội giữ vững khí tiết của người đảng viên.

Không khuất phục được đồng chí, ngày 28.8.1941, thực dân Pháp đưa đồng chí Võ Văn Tần cùng các đồng chí Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Hữu Tiến ra xử bắn công khai tại khu giếng nước (nay là bệnh viện) Hóc Môn. Quyết giữ trọn lời thề trung thành với Đảng, với cách mạng và nhân dân, đồng chí Võ Văn Tần bình thản đón nhận sự hy sinh vẻ vang. Đồng chí đã để lại di bút trên tường xà lim "Thà mình chết, không khi nào mình giết chết phong trào cách mạng...".

Trước lúc hy sinh, tất cả các đồng chí đã giật tung mảnh vải bịt mắt và hô vang khẩu hiệu:

“Đảng Cộng Sản Đông Dương muôn năm”

“Cách mạng Việt Nam thành công muôn năm”.

Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng

Trên mọi cương vị công tác, từ Bí thư Chi bộ, Bí thư Quận ủy, Bí thư Tỉnh ủy, Bí thư Xứ ủy, Ủy viên Trung ương, Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng, đồng chí Võ Văn Tần đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có những cống hiến sắc bén về tư duy và những định hướng lớn cho sự nghiệp đấu tranh cách mạng của Đảng, của dân tộc.

Sau khi lập ra Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ở Đức Hòa, đồng chí Võ Văn Tần được tin nhiệm cử làm Bí thư. Là Bí thư, đồng chí luôn năng động, nhiệt huyết, sáng tạo; trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy các cuộc đấu tranh, biểu tình lớn của nông dân Đức Hòa. Đến tháng 6.1931, đồng chí Võ Văn Tần được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Chợ Lớn. Trên cương vị này, đồng chí có nhiều cống hiến lớn trong việc xây dựng và khôi phục lại các tổ chức của Đảng từ cơ sở đến cấp tỉnh ở Chợ Lớn, Gia Định.

Trên cương vị Ủy viên Xứ ủy Nam kỳ rồi đảm nhận chức vụ Bí thư Xứ ủy, đồng chí Võ Văn Tần trực tiếp chỉ đạo phong trào Đông Dương đại hội; thống nhất tư tưởng và hành động của các nhóm cộng sản ở Nam Kỳ trong cuộc đấu tranh đòi dân chủ ở khu vực này.

Trên cương vị Ủy viên Thường vụ Trung ương, bằng kinh nghiệm công tác và sự hiểu biết thực tiễn sâu sắc, tư duy sắc sảo và kiên định, đồng chí không chỉ hoàn thành công tác chuẩn bị cơ sở, bảo đảm an toàn về mặt tổ chức của Đảng mà còn có nhiều đóng góp tích cực về mặt định hướng và quan điểm lý luận cho sự thành công của các Hội nghị Trung ương IV (25.8-4.9.1937), Hội nghị Trung ương V (29 và 30.3.1938), Hội nghị Trung ương VI (6-8.11.1939).

Suốt cuộc đời, đồng chí Võ Văn Tần luôn gắn bó máu thịt với nhân dân. Là một trong những nhà lãnh đạo trưởng thành từ cơ sở, tự rèn luyện đề trưởng thành, trải qua nhiều cương vị công tác, đồng chí Võ Văn Tần luôn có tác phong làm việc khoa học, sâu sát bám sát thực tiễn và phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng.

Đồng chí Võ Văn Tần là tấm gương sáng về nói đi đôi với làm, lý luận gắn với thực tiễn. Đồng chí thường nói: “mình làm cách mạng mà không để cho nhân dân tin tưởng ở lời nói và việc làm của mình thì khó mà làm cách mạng được”. Bởi vậy, trong suốt những năm tháng hoạt động cách mạng, dù ở đâu, đến đâu, hay trên cương vị công tác nào, đồng chí Võ Văn Tần cũng đều nhận được tình cảm trân trọng, quý mến, sự giúp đỡ vô tư chí tình của đồng chí, đồng bào, để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp trong lòng mọi người. Cũng chính tác phong

gương mẫu và gần gũi với mọi người, đồng chí luôn nhạy bén, nắm bắt được những vấn đề cốt lõi từ thực tiễn cách mạng, kịp thời có những ý kiến đề xuất với Đảng các vấn đề quan trọng về đường lối và sự lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng. Trong cuộc sống, đồng chí Võ Văn Tần sống rất giản dị, tôn trọng và gần gũi mọi người, là tấm gương mẫu mực đối với đồng chí, đồng đội và gia đình.

Cuộc đời đồng chí Võ Văn Tần là một tấm gương cao đẹp về lòng trung thành vô hạn với lý tưởng, về ý chí và tinh thần cách mạng của một chiến sỹ cộng sản kiên cường quả cảm. Bất chấp hy sinh gian khổ, đồng chí Võ Văn Tần luôn kiên định con đường đã chọn, bền bỉ hoạt động gây dựng cơ sở cách mạng. Sự kiên định của đồng chí là tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng về lý tưởng sống để thế hệ trẻ noi theo và học tập.

Ngày nay tên của người chiến sỹ cộng sản Võ Văn Tần được đặt cho nhiều con đường tại TP Hồ Chí Minh và địa phương khác trong cả nước. Trên quê hương Long An, tên đồng chí được đặt cho một con đường tại trung tâm phường 2, TP Tân An.

Tại huyện Đức Hòa, có công viên văn hóa-lịch sử và một ngôi trường vinh dự mang tên Võ Văn Tần.

Theo TTXVN

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY

Ngay từ giữa thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã có cái nhìn khoa học và hiện đại về phát triển xã hội, trong đó có những vấn đề mà nhiều lý thuyết phát triển ngày nay đang đặt ra như phát triển toàn diện, phát triển bền vững, phát triển nhân văn. Những vấn đề về mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế và xã hội, vật chất và tinh thần... đã được Hồ Chí Minh đề cập sâu sắc trong quan niệm và thể

hiện sinh động trong thực tiễn Người lãnh đạo xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.



Ảnh minh họa

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN CÁC LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Hồ Chí Minh quan niệm xã hội là sự thống nhất biện chứng trong các lĩnh vực cơ bản, đó là kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Người cho rằng: “Trong công cuộc kiến thiết đất nước ta, có bốn vấn đề cùng phải chú ý, cùng phải coi là quan trọng ngang nhau, không được xem nhẹ mặt nào, đó là: Kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội”⁽¹⁾. Xã hội phát triển phải là xã hội với một thể chế chính trị dân chủ, một nền kinh tế có lực lượng sản xuất hiện đại tương ứng là quan hệ sản xuất phù hợp; một nền văn hóa dân tộc, khoa học và đại chúng; một xã hội bình đẳng, công bằng, nhân dân thoát nạn bần cùng, được sống đời hạnh phúc.

Chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội là những lĩnh vực, những thành tố thiết yếu tạo nên sự vận động và phát triển xã hội. Nhưng với Hồ Chí Minh, sự phát triển không chỉ cần đến các yếu tố tạo nên động lực phát triển; điều quan trọng là các thành tố đó phải tổ hợp thành một chỉnh thể thống nhất trong sự tác động nhiều chiều, đa dạng và thường xuyên. Trong triết lý phát triển xã hội của Hồ Chí Minh, phát triển kinh tế là điều kiện căn bản để cho xã hội phát triển bền vững. Người nói: “Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hóa. Vì sao không nói phát triển văn hóa và kinh tế? Tục ngữ ta có câu: Có thực mới vực được đạo; vì thế kinh tế phải đi trước”⁽²⁾. Đó là triết lý duy vật về sự phát triển toàn diện xã hội của Hồ Chí Minh. Việc xây dựng xã hội dân chủ, giàu mạnh, văn minh đòi hỏi phải xây dựng kinh tế là trung tâm, không ngừng giải

phóng và phát triển sức sản xuất xã hội. Về nguyên lý, kinh tế là yếu tố quyết định tính chất và diện mạo của đời sống chính trị - xã hội. Xây dựng kinh tế làm cơ sở hạ tầng cho sự phát triển văn hóa, chính trị là điều kiện vật chất thực hiện các chính sách xã hội, liên quan mật thiết đến chất lượng dân sinh. Theo đó, mức sống với sản xuất được Hồ Chí Minh ví như thuyền với nước, “nước dâng thì thuyền lên. Sản xuất, kinh tế của chúng ta có phát triển thì đời sống mọi người mới cải thiện”⁽³⁾.

Mặt khác, Người cũng chỉ ra tác động tích cực của chính trị với văn hóa và kinh tế. Muốn tiến bộ, xây dựng kinh tế cũng như mọi việc khác phải lấy chính trị làm đầu, tư tưởng phải thông suốt từ trên xuống dưới, từ trong Đảng ra nhân dân và “Để cải tạo xã hội, một mặt phải cải tạo vật chất như tăng gia sản xuất, một mặt phải cải tạo tư tưởng. Nếu không có tư tưởng xã hội chủ nghĩa thì không làm việc xã hội chủ nghĩa được”⁽⁴⁾. Khi dân tộc và đất nước còn bị nô lệ thì văn hóa cùng chung số phận nô lệ đó, vì vậy, theo Hồ Chí Minh, phải tiến hành cách mạng chính trị trước để giải phóng chính trị, giải phóng xã hội, từ đó, giải phóng văn hóa, mở đường cho văn hóa phát triển. Người nhấn mạnh rằng, có chính trị mới có văn hóa, xưa kia, chính trị bị đàn áp, nền văn hóa của ta vì thế không nảy sinh được.

Văn hóa thuộc kiến trúc thượng tầng, gắn bó hữu cơ với cơ sở hạ tầng; vì thế, “văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị”⁽⁵⁾. Văn hóa phải phục vụ nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế. Không những thế, tiếp cận theo triết lý phát triển, văn hóa có sứ mệnh to lớn, soi đường cho quốc dân đi, lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường, tự chủ. Văn hóa không phụ thuộc một cách máy móc vào điều kiện sinh hoạt vật chất, mức sống, mà có khi cách mạng tư tưởng - văn hóa phải đi trước một bước để dọn đường cho cách mạng công nghiệp. Với quan niệm xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phải là một xã hội có văn hóa cao, Người nhấn mạnh: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa”⁽⁶⁾. Bởi vậy, văn hóa có nhiệm vụ quan trọng góp phần tạo nên những con người mới có đạo đức, trí tuệ, bản lĩnh, tinh thần và năng lực làm chủ, có kiến thức khoa học kỹ thuật, nhạy bén với cái mới, dám nghĩ dám làm, có tinh thần trách nhiệm vì nước vì dân, hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Nền văn hóa Việt Nam, về mặt chính trị là đề cao nhân quyền và dân quyền, về mặt xã hội là quan tâm tới phúc lợi của tất cả các tầng lớp nhân dân mà trước hết là nhân dân lao động.

Theo Hồ Chí Minh, trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế. Người căn dặn: “Phải luôn luôn nhớ rằng: Điều quan trọng bậc nhất trong kế hoạch kinh tế của chúng ta hiện nay là nhằm cải thiện đời sống của nhân dân”⁽⁷⁾ và nhấn mạnh “tất cả đường lối, phương châm, chính sách

của Đảng chỉ nhằm nâng cao đời sống của nhân dân”⁽⁸⁾. Khi các vấn đề xã hội được giải quyết mang tính hợp lý, công bằng, tiến bộ thông qua chính sách xã hội sẽ góp phần nâng cao đời sống nhân dân, khuyến khích người lao động sản xuất để thực hiện các mục tiêu kinh tế. Bên cạnh đó, giữa văn hóa và xã hội có sự gắn bó khăng khít với nhau, mục tiêu của sự phát triển xã hội cũng chính là mục tiêu văn hóa như: xóa đói, xóa nghèo, khuyến khích làm giàu hợp pháp, phổ cập giáo dục tiểu học, nam nữ bình đẳng và nâng cao vị thế cho phụ nữ, vấn đề chăm sóc sức khỏe, bảo đảm bền vững về môi trường... Hơn nữa, chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người và các quan hệ xã hội, nhằm hướng tới cuộc sống tốt đẹp hơn cho con người, từ đó, tạo động lực mạnh mẽ phát triển đến tất cả các lĩnh vực khác của đời sống xã hội.

Quan điểm về phát triển toàn diện của Người chính là nội dung quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng xã hội chủ nghĩa, trong đó sự phát triển hài hòa trong từng lĩnh vực và giữa các lĩnh vực là cơ sở cho sự phát triển bền vững, là điều kiện của sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân và cả cộng đồng. Phát hiện quan trọng nữa của Hồ Chí Minh về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở những nước chưa phát triển như Việt Nam, đó là không chỉ là vấn đề đấu tranh giai cấp mà trước hết và trên hết phải tạo ra công ăn việc làm cho người lao động, giải phóng họ khỏi nghèo nàn, dốt nát và lạc hậu. Phát triển xã hội nhằm mang lại tự do, hạnh phúc thực sự cho nhân dân, xứng đáng với một nước độc lập đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là con đường phấn đấu lâu dài, gian khổ, liên tục trên mọi phương diện từ kinh tế, chính trị đến văn hóa và xã hội, y tế và giáo dục... Có thể nói, trong quá trình lãnh đạo xây dựng xã hội mới Việt Nam sau khi giành độc lập, Hồ Chí Minh không chỉ thành công trong việc vận dụng một học thuyết vốn có cơ sở thực tế từ xã hội phương Tây tư bản chủ nghĩa vào thực tiễn một nước phương Đông thuộc địa như Việt Nam mà còn bổ sung, phát triển học thuyết Mác, phù hợp với các nước chưa qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản, mà Việt Nam là một minh chứng tiêu biểu.



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Nhà máy diêm Thống Nhất (năm 1956)

VẬN DỤNG TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY

37 năm đổi mới vừa qua là một giai đoạn lịch sử ghi nhận những bước phát triển nhanh chóng và toàn diện của đất nước trên các lĩnh vực. Trong quá trình đổi mới, nhận thức về xã hội xã hội chủ nghĩa của Đảng, càng cần bổ sung, hoàn thiện theo định hướng về xã hội phát triển đầy đủ, toàn diện, xã hội phát triển nhân văn theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đại hội XIII của Đảng đã xác định giai đoạn hiện nay là giai đoạn “Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa” (9). Thời kỳ mới đòi hỏi phải phát triển đất nước toàn diện, đồng bộ hơn trên tất cả các lĩnh vực, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; xây dựng văn hóa, con người làm nền tảng tinh thần; tăng cường quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên. Như vậy, đến đây Đảng ta nhận thức rõ hơn vấn đề không chỉ phát triển kinh tế là trung tâm mà cả phát triển xã hội là trung tâm; không chỉ xây dựng văn hóa làm nền tảng tinh thần mà cả xây dựng con người làm nền tảng tinh thần, trong đó “Xây dựng con người

Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc”(10).

Đổi mới kinh tế và chính trị từ năm 1986 đã thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, đưa Việt Nam từ một trong những quốc gia nghèo nhất trên thế giới trở thành quốc gia thu nhập trung bình thấp. Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên, Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt về cả vật chất và tinh thần. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.

Những thành tựu to lớn trên khảng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn là phù hợp và đáp ứng nhu cầu thực tiễn của Việt Nam. Tuy vậy, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau, mà chủ yếu từ nguyên nhân chủ quan, nền kinh tế xã hội nước ta tồn tại không ít hạn chế, bất cập, phát triển thiếu bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường, chưa nhận thức đầy đủ và xử lý tốt quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, xây dựng con người, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường”. *Thiếu tư duy hệ thống, thiếu sự đồng bộ* trong hoạch định chính sách vẫn đang là hạn chế lớn cản trở sự phát triển của đất nước. Từ đó, dẫn đến một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong 10 năm 2011-2020 và việc tạo nền tảng để đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa đạt được mục tiêu đề ra. Từ thực tiễn của công cuộc đổi mới ở Việt Nam cho thấy, việc tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với ổn định chính trị, tiến bộ và công bằng xã hội. Văn hoá đang trở thành một động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững.

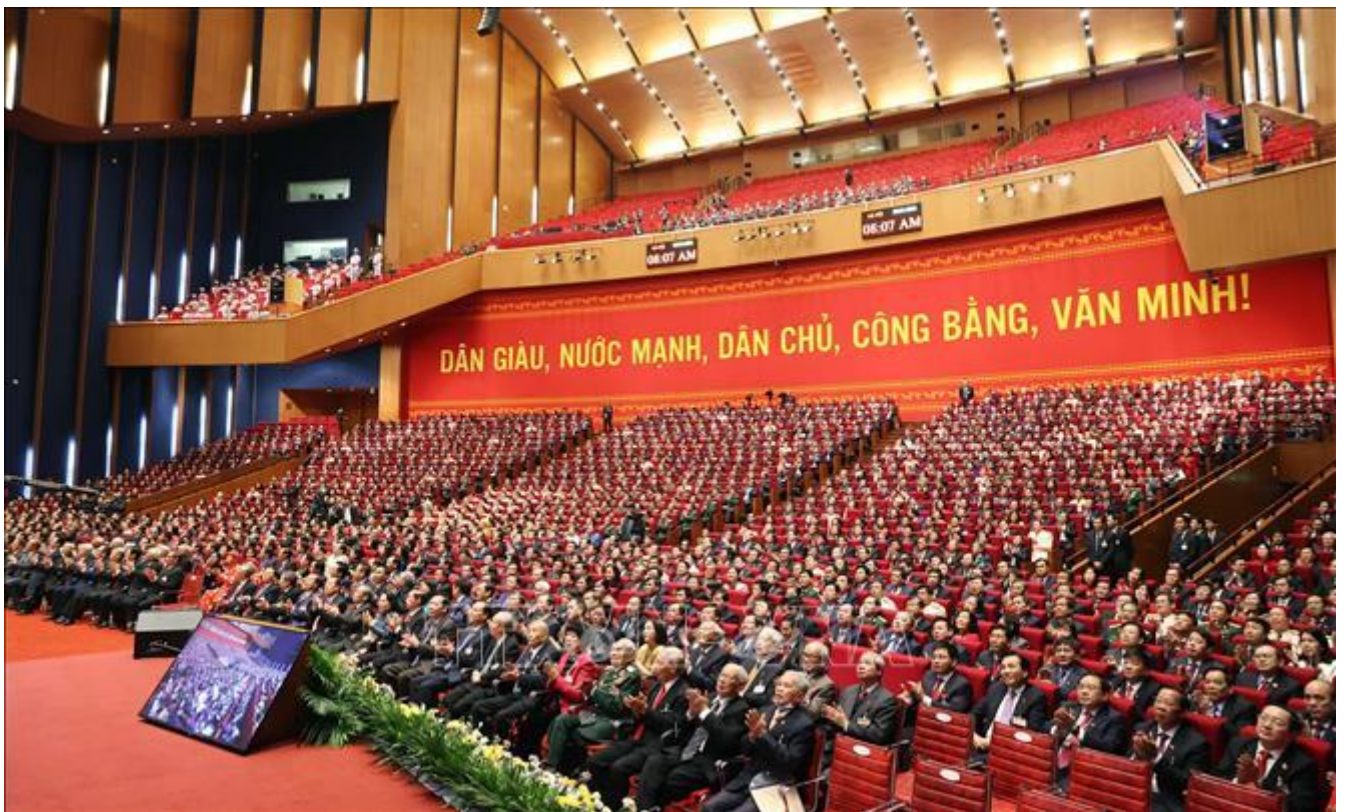
Bên cạnh đó, công cuộc đổi mới ở Việt Nam đang diễn ra trong bối cảnh đời sống quốc tế có nhiều biến đổi mạnh mẽ. Quá trình toàn cầu hoá có nhiều tác động tích cực như thúc đẩy nhanh và mạnh sự phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất, đưa lại sự tăng trưởng cao, tạo ra các điều kiện vật chất cho sự phát triển của con người, của xã hội. Tuy nhiên, toàn cầu hóa có tác động tiêu cực mà ở những nước chậm và đang phát triển thì sự thách thức và tác động tiêu cực lại càng lớn hơn, trong đó có sự nhận thức sai lầm, phiến diện về phát triển “thuần túy kinh tế”, vấn đề môi trường sinh thái, vấn đề đạo đức, lối sống, văn hóa. Với Việt Nam, trong quá trình toàn cầu hóa, chúng ta vừa phải lo tránh tụt hậu xa về kinh tế so với các nước vừa phải lo chệch hướng về chính trị, suy thoái về đạo đức, lối sống.

Từ đòi hỏi đó, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển trong công cuộc đổi mới hiện nay, cần tiếp tục quán triệt những vấn đề sau:

Phát triển đồng bộ, toàn diện các mặt của đời sống xã hội chính là sự nhận thức một cách đúng đắn về chủ nghĩa xã hội; về con đường xây dựng chủ nghĩa

xã hội bằng những hình thức, bước đi, biện pháp phù hợp và có hiệu quả hơn. Công cuộc đổi mới cần tiến hành một cách toàn diện, đồng bộ, từ nhận thức, tư duy đến hoạt động thực tiễn; phát triển mọi mặt của đời sống xã hội, trước hết là kinh tế; đổi mới chính trị từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động cụ thể trong từng bộ phận của hệ thống chính trị. Những sự đổi mới này phải có trọng tâm, trọng điểm, bước đi, có lộ trình, hình thức phù hợp, bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ và đồng bộ giữa ba nhiệm vụ: phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt và phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, bảo đảm dân chủ công bằng, tiến bộ và văn minh của xã hội.

Phát triển toàn diện các mặt của đời sống xã hội phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân theo tinh thần “đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân”. Khái niệm nhân dân ở đây, không chỉ là nhân dân lao động với hai giai cấp cơ bản trong xã hội là công nhân và nông dân, mà là mọi người dân Việt Nam “không phân biệt nòi giống, già trẻ, gái trai, tôn giáo, thành phần, giàu nghèo, tôn giáo....”.



Các đại biểu dự phiên khai mạc Đại hội lần thứ XIII của Đảng. (Ảnh: TTXVN)

Hơn 75 năm trước Hồ Chí Minh đã tổng kết: “Dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được. Dân chúng không ủng hộ, việc gì làm cũng không nên”⁽¹¹⁾. Do đó, phát triển phải vì lợi ích của nhân dân, xa rời, đi ngược lại lợi ích của nhân dân thì sự nghiệp đổi mới sẽ thất bại. Đảng ta nhận định: “Từ trước đến nay, bất cứ việc gì đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân, của toàn Đảng,

được nhân dân và toàn đảng đồng lòng, góp sức thì nhất định thắng lợi”⁽¹²⁾. Ý kiến, nguyện vọng, đòi hỏi, sáng kiến của nhân dân nảy sinh từ thực tiễn chính là nguồn gốc hình thành đường lối chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước. Dựa vào dân, qua thực tiễn phong phú của nhân dân để tiến hành tổng kết, đúc rút ra các vấn đề có tính quy luật, trên các lĩnh vực xã hội để tiếp tục đi lên, đó là chìa khóa của sự thành công.

Phải luôn coi trọng giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Do hoàn cảnh chiến tranh buộc phải dành nhiều tâm lực, trí lực lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, nhưng Hồ Chí Minh vẫn luôn nhấn mạnh đến yêu cầu phải có một nền kinh tế vững mạnh làm cơ sở cho giải quyết các vấn đề xã hội. Chỉ có một nền kinh tế *tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và bền vững* thì mới có khả năng huy động các nguồn lực vật chất cho việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Không thể có một xã hội tiến bộ và công bằng trên cơ sở một nền kinh tế trì trệ, suy thoái, chỉ đủ cung cấp cho dân chúng một cuộc sống “giật gấu vá vai”. Ngược lại, cũng không thể có một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và bền vững trong một xã hội với đa số dân chúng thấp kém về trí tuệ, ốm yếu về thể chất, suy thoái về đạo đức và một bộ phận đáng kể lao động lâm vào cảnh thất nghiệp, nghèo đói, bị đẩy ra ngoài lề xã hội. Do đó, tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển. Không chờ đợi đến khi đất nước đạt tới trình độ phát triển kinh tế cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, mới phát triển văn hóa, càng không “hy sinh” tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần hay vì lợi ích của thiểu số. Muốn vậy, mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát triển xã hội; mỗi chính sách phát triển xã hội phải nhằm tạo ra động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hướng tới sự phát triển văn hóa dù trực tiếp hay gián tiếp, trước mắt hoặc lâu dài và văn hóa thật sự thấm sâu vào tất cả lĩnh vực. Bên cạnh đó, một đường lối phát triển theo mô hình kinh tế thị trường nhưng không quản lý một cách dân chủ, khoa học thì không thể ngăn chặn được tham nhũng, không thể tạo được sự ổn định.

Xuất phát từ đặc điểm nước ta, từ nước nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn tư bản, Hồ Chí Minh thường xuyên nhấn mạnh yêu cầu duy trì và phát triển kinh tế nhiều thành phần, thực hiện “*công tư lưỡng lợi*”. Người đã nhìn thấy vai trò, sức mạnh của các thành phần xã hội như *tư sản, tiểu chủ* đối với công cuộc phát triển kinh tế và góp phần phát triển xã hội. Vì vậy, phải có chính sách phát triển giai cấp đúng đắn, nhất là với những giai cấp, tầng lớp hữu sản, mới tạo ra động lực thúc đẩy xã hội phát triển. Tuy nhiên, “nhà tư bản thì không khỏi bóc lột. Nhưng Chính phủ ngăn cấm họ bóc lột công nhân quá tay. Chính phủ phải bảo vệ quyền của công nhân. Đồng thời, vì lợi ích lâu dài, anh chị em thợ cũng để cho chủ được một số lợi hợp lý, không yêu cầu

quá mức”. Những quan điểm đó của Hồ Chí Minh vẫn nguyên giá trị thời sự đối với hôm nay khi đối diện với các vấn đề xã hội nảy sinh từ quan hệ kinh tế, đặc biệt là quan hệ bóc lột trong điều kiện chấp nhận kinh tế nhiều thành phần - một vấn đề xã hội lớn trong quản lý phát triển xã hội Việt Nam đương đại.

Xây dựng một cộng đồng xã hội đa dạng, phong phú, trong đó các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các tầng lớp dân cư đều có nghĩa vụ, quyền lợi. Phải xây dựng những chính sách xã hội phù hợp với lợi ích và nguyện vọng của từng giai tầng xã hội, từng giới, kết hợp hài hòa lợi ích của các nhóm dân sự với nhau để củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, nhằm giữ vững an ninh chính trị xã hội, tiếp tục tạo đà cho cho phát triển kinh tế xã hội bền vững. Công bằng xã hội, tiến bộ xã hội trong phân phối thể hiện trong việc thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất kinh doanh, đồng thời chú ý phân phối theo phúc lợi xã hội; khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo, giảm bớt sự phân hóa giàu nghèo bằng cách nâng cao mức sống của người nghèo.

Phát triển xã hội theo hướng nhân văn, lấy con người làm trung tâm, xem phát triển con người - cả cá nhân và cộng đồng - vừa là mục tiêu cao nhất vừa là động lực to lớn nhất của tiến trình đổi mới ở nước ta. Phát triển xã hội đòi hỏi phải đáp ứng ngày một tốt hơn những nhu cầu cơ bản trong đời sống vật chất và đời sống tinh thần của con người. Trước hết, đó là những nhu cầu về ăn, mặc, ở, đi lại, phòng chữa bệnh, xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái... bảo đảm cho con người có thể sống như những sinh thể cấu thành xã hội. Những nhu cầu nêu trên không thể tự thỏa mãn mà phải thông qua lao động sản xuất của chính con người để tạo ra của cải vật chất. Tăng gia sản xuất, phát triển kinh tế do đó có vai trò cực kỳ quan trọng đối với sự phát triển xã hội. Song, suy đến cùng, sản xuất kinh tế chỉ là phương tiện chứ không phải là cứu cánh, là mục đích tự thân của phát triển xã hội.

Có thể nói, những nội dung về phát triển theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh là: Phát triển kinh tế lấy con người làm trung tâm cho sự phát triển, “dân làm chủ”, “mọi quyền hành, mọi lực lượng đều ở nơi dân”; phát triển kinh tế để bảo đảm cho mọi người dân đều được hưởng thụ các giá trị phúc lợi xã hội, xóa đói giảm nghèo: “Dân giàu nước mạnh”, từng bước xóa bỏ bất công, xóa bỏ bóc lột... trên cơ sở phát triển sản xuất, dần dần “biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước có công nghiệp hiện đại”, nông nghiệp hiện đại, khoa học tiên tiến; gắn phát triển kinh tế với chính sách xã hội, với công bằng xã hội, “các dân tộc miền núi tiến kịp các dân tộc miền xuôi”... cũng chính là những nội dung lớn và vẫn là mục tiêu cần đạt mà Việt Nam đang hướng tới trong chiến lược phát triển bền vững hiện nay./.

TS. Lê Thị Hằng

- (1) *Hồ Chí Minh, Về văn hóa*, Bảo tàng Hồ Chí Minh, H, 1997, tr.11.
- (2) (6) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2011, t.12, tr.470, 222.
- (3) (7) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr. 562, 314.
- (4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.242.
- (5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.246.
- (8) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.13, tr.164.
- (9) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2021, t.I, tr.111-112.
- (10) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Văn phòng Trung ương Đảng, H, 2016, tr.9.
- (11) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 5, tr. 333.
- (12) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 1999. tr. 61.

CHÍNH SÁCH MỚI

Trong tháng 8/2023, nhiều chính sách mới có hiệu lực như: Tăng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội; người dân được đăng ký xe ở nơi tạm trú; không quy định chức danh công chức Trưởng Công an xã; tăng lệ phí sát hạch lái xe...

Tăng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội

Nghị định 42/2023/NĐ-CP về điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng có hiệu lực thi hành từ 14/8, tuy nhiên các quy định tại Nghị định trên đã được thực hiện từ 1/7.

Cụ thể, điều chỉnh tăng thêm 12,5% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của tháng 6/2023 đối với người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng trước ngày 1/1/2022; tăng thêm 20,8% đối với người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng từ ngày 1/1/2022 đến trước ngày 1/7/2023.

Đối với những người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng trước ngày 1/1/1995 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định 42/2023/NĐ-CP.

Người dân được đăng ký xe ở nơi tạm trú

Thông tư 24/2023/TT-BCA của Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe cơ giới chính thức có hiệu lực từ ngày 15/8.

Tại khoản 2 Điều 3 thông tư này quy định, chủ xe là tổ chức, cá nhân có trụ sở, nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú, tạm trú) tại địa phương nào thì đăng ký xe tại cơ quan đăng ký xe thuộc địa phương đó. Biển số xe được cấp và quản lý theo mã định danh của chủ xe được quản lý theo số định danh cá nhân.

Việc nộp lệ phí đăng ký xe thực hiện qua ngân hàng hoặc trung gian thanh toán được kết nối, tích hợp, cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công; trường hợp không thực hiện được trên cổng dịch vụ công thì nộp tại cơ quan đăng ký xe.

Đối với biển số ô tô trúng đấu giá được đăng ký, cấp biển số tại Phòng CSGT, Phòng CSGT đường bộ - đường sắt, Phòng CSGT đường bộ Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi chủ xe có trụ sở, cư trú hoặc tại Phòng CSGT quản lý biển số xe trúng đấu giá đó.

Không quy định chức danh công chức Trưởng Công an xã

Nghị định 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã có hiệu lực từ 1/8, thay thế 4 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP; Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Nghị định số 112/2011/NĐ-CP; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.

Nghị định này quy định về chức vụ, chức danh, số lượng, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ, chính sách; bầu cử, tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Cụ thể, về số lượng cán bộ, công chức cấp xã được tính theo loại đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể như sau: Đối với phường Loại I là 23 người, loại II là 21 người, loại III là 19 người; Đối với xã, thị trấn loại I là 22 người, loại II là 20 người, loại III là 18 người.

Nghị định cũng quy định về cán bộ cấp xã gồm: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam; Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Một điểm mới về chức danh cán bộ, công chức cấp xã, Nghị định 33/2023/NĐ-CP không quy định chức danh công chức Trưởng Công an xã (do đã bố trí Công an chính quy ở cấp xã).

Tăng lệ phí sát hạch lái xe

Thông tư số 37/2023/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 1/8 thay thế Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản

lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Trong đó, điểm đáng chú ý tại Thông tư số 37/2023/TT-BTC là việc tăng mức phí sát hạch lái xe. Cụ thể, đối với thi sát hạch lái xe các hạng A1 đến A4, lý thuyết 60.000 đồng/lần; thực hành 70.000 đồng/lần (tăng 20.000 đồng).

Đối với thi sát hạch lái xe ô tô hạng B1, B2, C, D, E, F lần lượt lý thuyết 100.000 đồng/lần (tăng 10.000 đồng); thực hành trong hình 350.000 đồng/lần (tăng 50.000 đồng); sát hạch thực hành trên đường giao thông 80.000 đồng (tăng 20.000 đồng), ngoài ra học viên còn phải lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông với lệ phí 100.000 đồng/lần.

Quy định về phong tỏa tài sản của đối tượng thanh tra

Nghị định số 43/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra có hiệu lực từ ngày 15/8.

Nghị định quy định rõ việc phong tỏa tài sản của đối tượng thanh tra khi có dấu hiệu tẩu tán tài sản, bao gồm: thực hiện hoặc chuẩn bị thực hiện giao dịch chuyển tiền qua tài khoản khác với thông tin không rõ ràng về mục đích, nội dung người nhận.

Có dấu hiệu chuyển dịch quyền sở hữu, quyền sử dụng, cho tặng, thế chấp, cầm cố, hủy hoại, thay đổi hiện trạng tài sản; có hành vi làm sai lệch hồ sơ, sổ sách kế toán dẫn đến thay đổi về tài sản.

Ngoài ra, đối tượng thanh tra bị phong tỏa tài sản khi không thực hiện đúng thời gian giao nộp tiền, tài sản theo quyết định thu hồi tiền, tài sản của cơ quan thanh tra hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Theo <https://tienphong.vn/>

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ĐOÀN